

KINH XƯA

THÍCH GIÀ CHƠN GIẢI

NÓI VỀ LỤC TỔ HUỆ NĂNG

MÀ

ĐỨC HUỲNH GIÁO CHỦ

CÓ NÓI

KHÙNG
NÓI
CHO
GIÀ
TRẺ
LÀM
TIN



MỘT NHÓM TÍN ĐỒ
PHẬT GIÁO HÒA HẢO
TÁI BẢN 2.000 QUYỀN
Năm Nhâm Tý 1972



THEO
LỤC
TỔ
CHỖ
THEO
THẦN
TỬ

ĂN TỔNG KHÔNG NHẬN TIỀN

THÍCH GIA — CHƠN-GIẢI

Đây nói về nhà Đường-vô-Đức, năm thứ ba, tháng chín, có nhà họ Lư làm chức Tả-Quân xin từ chức về quê, vua liền cho, vợ chồng mừng rỡ cùng nhau trở lại quê xưa. Ông bà là người nhơn đức không con kế hậu, ngày ngày cầu khẩn ăn chay.

Đêm nọ bà Lý Thị nằm chiêm bao thấy trước sân sen trắng trổ bông, bạch hạc đua bay.

Bà giật mình thức dậy mới biết mình đã thọ thai vợ chồng vui mừng chẳng xiết. Bà thọ thai đến sáu năm, đêm nọ bà đương than thở một mình xảy thấy hào quang trên không bay xuống sáng trời, mùi hương thơm phức. Lúc ấy bà lần bồn nhằm đời Đường Trinh Quán, năm thứ mười hai ngày mừng tám giờ tý.

Sáng ngày có hai ông thầy sãi đến viếng và nói rằng : «Tôi mừng cho ông bà sanh đặng qui tử, không biết đã đặt tên hay chưa?

Lư Thị nghe hỏi vào bông đùa nhỏ ra ngoài, hai ông sãi xin đặt tên như vậy:

THƯƠNG-HUỆ HẠ-NĂNG

Họ Lư lại hỏi : Thương-Huệ Hạ Năng nghĩa là gì?

Ông sãi liền trả lời : HUỆ GIÃ Vi Pháp Huệ Nhi Tế Chúng Sanh, NĂNG GIÃ, Năng Tác Phật Sự, Nói rồi hai ông tàng bình di mất.

Đây nhắc lại khi mới sanh Huệ Năng thì khác hơn con người phàm tục. Lúc sanh ra thì ngài không khóc, không bú, khi mới lên ba tuổi thì cha đã ly trần, chỉ còn mẹ. Đến lớn lên hằng ngày hái củi đổi gạo nuôi mẹ. Huệ Năng là con rất chí hiếu ở vậy nuôi mẹ đến hai mươi bốn tuổi. Ngày kia vào rừng hái củi, gánh trở về dọc đường có người khách đón mua, biểu Huệ Năng gánh ngay đến nhà. Huệ Năng cũng y lời gánh củi theo người khách, đến nhà người liền trả tiền. Huệ Năng trở về dọc đường lại nghe có người tụng kinh Kim Cang nhằm lúc Đức Thế Tôn thuyết pháp Huệ Năng nghe rồi liền tỉnh ngộ mới than rằng. Ôi «Cái kiếp phù sanh ta đây không khác chi là «Tan Du Mộ Anh», buộc phải ở mà chen lẫn làm cho có tiền đặng nuôi cái thân tứ đại này nếu xét kỹ thì cái thân tứ đại này nó là giả, không bền chắc, không phải đồ thiết. Vậy thời công danh phú quý trước mắt ta đây cũng không thể nào chắc đặng, xét như vậy, dầu ta làm cho có tiền muôn đi nữa, chẳng phải ta hưởng đặng đời đời; coi giảng san kia còn phải đời, biển dầu còn phải biến, cuộc trăm năm như giấc chiêm bao, chi bằng tu hành lánh tục thì hơn».

« Nói như vậy, rồi lại tưởng rằng: «Minh đây muốn đi tu, mà phải tu cách nào? Hề tu thì

phải tầm sư học đạo, chừng học đạo rồi phải ẩn
nơi non cao núi thâm lo tu hành thì biết có đặng
thành Phật hay không? Còn bốn phận mình đây,
việc thế sự chưa rảnh, vì còn mẫu thân ta không
ai nuôi dưỡng, đi tu làm sao đặng! Sách có câu
«Hiếu Tâm Tức Phật Tâm; Hiếu Hạnh Tức Phật
Hạnh», Chỗ đó là Phật, chẳng phải đi tu đó là
thành Phật đâu». Huệ Năng nghe lời Phật nói
trong kinh một mình suy nghĩ như vậy, rồi trở
vào rừng đốn củi và ngâm bài kệ như vầy:

*Xách búa đến rừng xanh,
Dẹp lên chữ lợi danh,
Lo tròn câu hiếu đạo,
Bồi đáp nghĩa thân sanh,
Há tham bề phú quý,
Chen lẫn với đua tranh,
Thành thời nường bóng mát,
Kết bạn với chim anh.*

Huệ Năng kệ rồi xách búa đốn củi.

Đây nói về Nhị Tổ là Huệ Khả đương ở trên
mây thấy Huệ Năng than thở, liền bay xuống trước
mặt ngâm bài kệ như vầy:

*Nước trí non hơn rất phải mà,
Huỳnh Đình thường tụng lại ngâm nga,
Bốn biển năm hồ đi một khắc,
Ba ngàn thế giới dũi chơn qua.*

Ngài kệ rồi xăm xăm đi tới. Huệ Năng qui xuống lạy và hỏi: «Chẳng biết ngài ở đâu đến đây mà kệ như vậy?»

Nhị Tồ nói: «Ta là tiểu phu ở núi này, nghe nhà người than thở đến đây giúp cho người mướn quan tiền đem về nuôi mẹ. Như người muốn tu, phải qua quận Huỳnh Mai, chùa Đông Thiền Tự có một vị đại Thiền Sư là Hoằng Nhẫn người đương dạy đạo, người qua đó mà học».

Nói rồi liền ngâm bài kệ như vậy:

Chỉ nẻo cho người khéo lạc đường,

Hỏi đâu đang thấy chốn quê hương,

Biển thăm mình mong xa vời vợi,

Lên thuyền sẽ đến chốn Tây Phương.

Ngài kệ rồi cởi mây bay mất. Huệ Năng thấy vậy lạy mà khen rằng: «Thiệt hay quá, như vậy mới là thần tiên, qui bần biết chừng nào!»

Nói rồi gánh củi trở về nhà vào thưa cho mẹ hay và nhắc việc gặp ông tiều cho tiền và biếu con đi tu.

Bà Lý Thị vui lòng. Huệ Năng cũng mừng rỡ, lạy mẹ và sửa soạn đồ hành lý lên đường.

Đi không bao lâu đến chùa Đông Thiền Tự, vào ra mắt Ngũ Tổ nhằm lúc ngài đang thuyết pháp. Khi ngài thấy Huệ Năng hình dung khác tục, cốt cách hiền lương, tai lớn, mũi cao, trán

tròn. (Ấy là Phật giảng sanh).

Ngũ Tồ liền bảo Huệ Năng ra nhà sau nghỉ, Rồi ngài bãi từ chúng lui về. Qua đến canh ba, Ngũ Tồ đòi Huệ Năng đến mà dạy đạo và truyền Y-Bát lại dặn rằng : «Người phải đi không dừng ở chùa này, nếu Thần Tú hay dừng ta đã truyền pháp bửu cho nhà người, thì người phải bị hại».

Huệ Năng nghe Ngũ Tồ nói vậy và thưa rằng : «Bây giờ con chẳng biết đi đâu xin Tồn Sư dạy bảo».

Ngũ Tồ nói : «Con cứ việc đi qua phía Nam chừng nào gặp Ấp Hoài thì ở, gặp Ấp Hội thì khả lánh thân, không hề chi phòng sợ».

Nói rồi Ngũ Tồ đưa Huệ Năng đến mé sông Cửu Giang, Huệ Năng xuống thuyền chèo đi.

Đi được ít ngày thì Thần Tú hay việc Ngũ Tồ truyền Y Bát cho Huệ Năng. Lúc ấy Huệ Năng đi đã được mấy ngày rồi. Thần Tú cả giận hỏi có ai dám theo bắt Huệ Năng không ? Nói chưa dứt lời, có tên Trần Huệ Minh và bốn trăm tăng như xin lãnh mạng theo bắt. Bốn trăm tăng như theo gặp Huệ Năng dả bốn phen mà không làm chi được.

Bây giờ Huệ Năng đi đến Tào Khê, gặp một đám ác tăng đón bắt dặng giết. Lúc đương nguy cấp, Huệ Năng vừa chạy vừa than, may gặp bọn thợ săn, Huệ Năng bèn ẩn vào ở chung với bọn đó thì ngài được yên tâm không còn lo ngại nữa. Chỉ ngày ngày ở đó tu hành.

Huệ Năng tuy ở với người hung dữ như vậy

mà gìn lòng không nhiễm, hằng ngày bọn thợ săn bắt được cầm thú đem về, còn nào chết thì thôi, còn con nào sống Huệ Năng lên thăm.

Từ ngày Huệ Năng đăng pháp bưng thầy truyền lời, lánh mặt giả thầy đi tu đã mười lăm năm, nay đạo được thành nên nhơn dịp mà thuyết pháp cho bọn thợ săn nghe. Bọn thợ săn hỏi: «Vi có nào người ở đây đã lâu, làm sao không thấy người ăn cá thịt chi hết?» Huệ Năng trả lời: «Nầy chư vị, tôi đây cũng như chư vị vậy, nhưng tôi là người hồi tâm tu hành, thấy chư vị săn bắn cầm thú mà ăn, thật tôi đau lòng không nỡ ăn, mà cũng không nỡ giết, vì loài người cùng loài vật cũng đồng tham sanh hủy tử. Nếu mình bắt nó mà ăn thịt, nó cũng tha nha thiết xỉ và đau đớn vậy; còn như mình đây nếu có ai đến bắt mình mà làm những hình trạng như vậy thì mình có đau đớn không?

Không hạn là nhơn vật, đến loài sống cỏ còn biết đau đớn thay!! Tôi đây vì thương người và vật, nên không đánh làm lợi cho mình mà hại vật.

Người đã sanh trong cõi nhơn độ này, tạo hóa đã cho loài người đứng đầu muôn vật thì người phải thương và săn sóc cho muôn vật được tấn hóa ngày ngày cho mau sáng suốt, trở nên một cảnh vô sanh; như vậy mới phải, có đâu mình đã đứng đầu muôn vật rồi mình lại bắt nó

mà ăn; thế là : mạnh hiếp yếu, khôn hiếp dại, làm vậy thì tạo địa ngục, luân hồi, biết chừng nào cho hết».

Huệ Năng giảng một hồi bọn thợ săn liền tỉnh ngộ cùng nhau theo Huệ Năng mà đi tu hành không mang nghề săn nữa.

Bây giờ Huệ Năng đắc đạo, lục thông đã hiện, mới tỉnh trở về dâng phôi hoa cúng sanh. Trong kinh thơ có câu : «Thời tiết Chi Như Ngư Đắc Thủy» nghĩa là : Ngày giờ đến như cá kia gặp nước, còn lo chi không dâng tự toại tiêu diêu.

Lúc này Huệ Năng dắt bọn thợ săn đi thuyết pháp và dạy đạo, ngài có ngâm bài kệ như vầy :

Động đá bấy lâu dốc ăn mình.

Cội lòng nương dựa tụng Huỳnh Đình,

Muốn luyện kim đan cùng xá lợi,

Xây lò từ phủ nấu ngươn tinh.

Từ đây Huệ Năng đi dạy đạo châu lưu các nước.

Còn việc Ngũ Tổ dạy Huệ Năng, Thần Tú trong các đơn kinh có nói, đây không nhắc lại làm chi cho choán giấy.

Nói về Huệ Năng đi dạy đạo các nước, ngài làm đến chức Luật Sư, người gọi là Lục Tổ. Bây giờ ngài từ giả từ chúng trở về chùa Bửu Lâm Tự.

Ngày kia Lục Tổ đương thuyết pháp cho tứ chúng nghe, có tên tăng Pháp Đạt, là người ở đất

Hồng Châu, mới nên bảy tuổi đã xuất gia tu hành. Thường nghe đồn chùa Bửu Lâm có Lục Tổ dạy đạo, nên đến ra mắt Lục Tổ đánh lễ mà đầu chẳng tới đất. Lục Tổ hỏi : «Ngươi làm lễ ta sao đầu chẳng tới đất là nghĩa gì ?»

Pháp Đạt trả lời : «Từ ngày tôi xuất gia đến nay, tôi tụng kinh Pháp Hoa hơn ba ngàn bộ, công đức rất nhiều lẽ nào tôi phải lay ngai sát đất».

Lục Tổ nói : «Thiệt dốt quá, nếu nhà ngươi tụng một muôn ngàn bộ kinh Pháp Hoa đi nữa, bất quá (Đắc Kỳ Kinh Ý) tụng cho biết ý kinh mà chơi, (Bất Di Vi Thắng) chờ có chi là hay nào có công đức gì ! Này Pháp Đạt ngươi tu mà không biết chữ tụng là gì, chữ đọc là gì ? Để ta giải nghĩa cho ngươi nghe : Tụng Giả là Học Giả, chữ tụng nghĩa là học vậy : Đọc Giả là Học Giả, chữ đọc nghĩa là học vậy, làm sao mà kêu khác nhau, ngươi biết không ? Vì Đời và Đạo phải kêu khác nhau như vậy, chữ cũng có một nghĩa mà thôi. Này ngươi nghe không Sách là gì ? Là giấy mực viết ra kêu bằng Sách : ấy là ngoài con đường Đời ; còn Kinh là gì ? Kinh cũng giấy mực viết ra kêu bằng Kinh, ấy là trên con đường Đạo ngươi biết chưa ? Đó là Đời và Đạo phải gọi «Kinh Sách» hai tiếng khác nhau, nhưng có một mà thôi. Như sách thì để chép những lời của Thánh Hiền ; còn kinh thì biên những lời nội

của Tiên Phật để lưu truyền qua đời sau cho người ta đọc và tụng tụng biết ý ông Thánh ông Hiền, ông Tiên ông Phật đó mà thôi. Trong kinh có câu (Tụng Kinh Giả Minh Phật Chi Lý, Hà Năng Tác Phật Tai) nghĩa là: «Tụng kinh cầu cho sáng lý của nhà Phật, làm chi thành Phật tụng!» (Đọc Thơ Giả minh Thánh Hiền Chi Từ, Như Hà Tác Thánh Hiền Tai) nghĩa là: «Đọc sách tụng biết lời ông Thánh ông Hiền, chờ bao giờ làm được ông Thánh ông Hiền sao?» Đó... có một chút vậy mà không biết, cứ dễ tưởng chắc mình tụng kinh mà thành Phật! Này Pháp Đạt, người nói tụng kinh thành Phật ta cũng chịu cho người là phải, còn kẻ đọc sách có thành Thánh không? Nếu đọc sách không thành Thánh, thì tụng kinh cũng không thành Phật tụng, như vậy mà... là công bình cho, vậy người không nghe trong kinh nói hay sao? (Khẩu Tụng Thiên Ngôn Bất Hành Hà Ích?) nghĩa là: «Dẫu có tụng một ngàn lời ngoài miệng, mà cái tâm không hành con đường đạo chánh, thì không có ích gì!»

Người hãy nghe bài kệ đây:

*Pháp Đạt khá nghe lời kệ mà,
Sách kinh viết mực tả truyền ra!
Nếu muốn đi tu thành chánh giác,
Bỏ chuông cùng mõ với ngân nga.*

Pháp Đạt nghe rồi lại hỏi: Bạch Tôn Sư, xin Tôn Sư mở lòng từ bi giải nghĩa kinh Pháp Hoa

cho con học; con tuy tụng đã đặng bảy năm, song có nhiều chỗ con chưa hiểu nghĩa».

Lục Tổ lại nói : «Tụng mà không biết nghĩa lý trong kinh là gì, hèn chi mới chắc mình thành Phật, chẳng ngờ trong kinh là chép những lời nói của mấy vị Bồ tát hồi Đức Như Lai, rồi Đức Như Lai trả lời và thuyết pháp cho mấy vị Bồ tát nghe. Bây giờ mắc mớ gì mình phải nhắc lại, nếu nhắc lại không ích gì ? Pháp Đạt hãy nghe đây, sách có câu : «Tạo Chúc Cầu Minh, Đọc Thơ Cầu Lý» nghĩa là làm được phải cầu cho sáng, còn đọc sách phải cầu cho biết nghĩa lý, bằng đọc sách mà không biết nghĩa lý, không khác chi người điếc đâu đặng nghe trời gầm ? Cầm được mà không cầu sáng, không khác chi người đi đi đêm cần gì là được. Pháp Đạt, người tụng kinh Pháp Hoa không nghe nói câu : «Thử Kinh Ngươn Lai Dĩ Nhơn Duyên Xuất Thế Vi Tôn» nghĩa là : «Xưa nay kinh Pháp Hoa nói, hễ người mà xuất gia rồi đều có nhân duyên với Phật, mới đặng thành Phật, người biết không ? Cũng tại thế nhơn, «Ngoại Mê Trừ Tướng, Nội Mê Trừ Không» bởi vì người đời ngoại thì chấp mê các tướng, (nào sắc tướng thính âm, vẽ vời thêm bớt); trong thì chấp mê những cái không, vậy nên phải làm chúng sanh đời đời kiếp kiếp ; nếu biết «Ly

Tướng» là lia tướng pháp «Ly không» là lia cái không, thì trong ngoài đều không chấp mê, làm chi không thành Phật đặng. Nền có câu «Nhược Ngô Thủ pháp Nhứt Niệm Tâm Khai»; nếu trong ngoài không chấp mê, lia đặng các tướng rồi, và biết đặng cái phép của ta đây, thời một lần niệm, con đường đạo tâm đã mở không cần chi là tụng kinh. Lại có câu «Tam Thiên Thất Bửu Tuy Đa, Dung Tàn Hườn Qui Sanh Diệt» nghĩa là: ba ngàn bảy trăm món báu tuy là nhiều, dùng hoài có ngày phải hết, «Lữ Cù Kinh Văn Tuy Thiều, Ngô Chi Phương Chứng Bồ Đề»; bốn câu tứ cú kệ tuy là ít, mà biết đặng thì chứng quả Bồ Đề; hơi đầu mà tụng kinh, tụng cho khô cổ mà không biết nghĩa, dầu có tụng muôn năm cũng không ích gì, thời hãy nghe bài kệ này :

*Tâm địa hôn mê chuyển Pháp Hoa,
Tụng mà chẳng sáng ấy thù nhà ;
Không niệm nữa câu gọi là chánh,
Có niệm một tiếng ấy cũng tà.*

Lục Tổ kê rồi lại nói thêm : «Đó... trong kinh Pháp Hoa nói : (Khử Niệm Vi Tiên) Bỏ niệm trước hết, niệm mà còn biểu bố phương chi là tụng».

Pháp Đạt nghe đến đây phát đại ngộ, quì lạy Lục Tổ khóc mà nói rằng : «Đệ tử là Pháp Đạt, từ ngày xuất gia tu hành đến nay, chưa từng chuyển kinh Pháp Hoa, bây giờ bị kinh Pháp Hoa chuyển ;

nay đệ tử xin Tôn Sư mở lòng từ bi dạy bảo và xin Tôn Sư giải nghĩa chỗ này : Trong kinh Pháp Hoa nói « Tam Xa Giả, Dương Lộc Chi Xa, Dữ Bạch Ngưu Chi Xa Như Hà Xu Biệt »; chỗ nào bạch ngưu, xe nào dương, xe nào lộc, xin Tôn Sư chỉ bảo ? »

Lục Tổ nói : « Kinh Ý Phân Minh Nhữ Tự Chấp Mê », nghĩa là : Lời nói trong kinh Pháp Hoa rành rẽ, mà người bo bo những sự chấp mê, ấy là cái bệnh cố chấp bất thông của người đó. Người không nghe lời cổ nhân nói : « Đọc Thơ Giả, Biên Thánh Ngôn Chi Từ, Bất Khả Cố Chấp, Khả Dĩ Kinh Huyền Nhi Tùng Chi » nghĩa là : Người đọc sách phải phân biên những lời nói của ông Thánh, ông Hiền, chẳng khả cố chấp, hề biết chỗ nào dùng kinh, thời dùng kinh, phải chỗ nào dùng huyền, thời dùng huyền. Cái này mới biết ba chữ vừa đọc sách được, thời lại cố chấp. Nay Pháp Đạt, trong kinh Pháp Hoa có nói : « Tam Thừa Chi Nhơn Bất Năng Trắc Phật Trí » nghĩa là : « Ba bậc chơn người há lường đặng ý Phật hay sao ? » Người phải biết lời Phật nói : « Cao Nhi Hư Huyền, Đê Nhi Hư Diệu, Phàm Phu Khởi Năng Thức Tai » nghĩa là : Lời nói của ông Phật : bậc cao thì có huyền-bí, có mầu nhiệm, bậc thấp thì nghĩa lý u thâm còn bậc phàm tục há nghe đặng hay sao ? Như Phật là người dùng vào bậc tối thượng, nhứt thừa, lời nói u thâm không

tốt, khó mà lường được ; phàm người tu hành
đừng có tưởng tụng kinh đọc sách nhiều, mà
được thành Tiên thành Phật đâu. Trong Quan Âm
Chơn Giải có câu : «Tự Cổ Chứng Phật Thành
Chơn Bất Tại Ư Mạo Tướng, Chỉ Trọng Tâm
Chi, Bất Tại Thế Lợi» nghĩa là : «từ xưa đến nay
những người chứng Phật thành chơn, chẳng phải
đòi có sắc tốt, tướng tốt, hay là lịch sự mà đăng
thành Phật, chỉ dùng cái tâm chi ; lại chẳng
phải nơi tài học mà thành chơn dùng người có
đức hạnh mà thôi. Những ông nào được thành
Phật là người có đức hạnh đầy đủ hoàn toàn chẳng
phải dùng thế lợi và tụng niệm mà thành Phật
đâu». Trông như vậy một ngàn muôn năm cũng không
ích gì. Trong kinh Pháp Hoa có nói : «Khẩu Niệm
Bất Tại Tâm Hành, Tâm Hành Bất Tại Khẩu
Niệm», nghĩa là : «Người tu hành phải có tâm
chi đức hạnh cho nhiều và cái tâm phải hành
cho nhằm đường đạo chánh thì mới thành Phật ;
không hay vì cái miệng nói cái miệng tụng». Lời
nói và việc tụng kinh thì ai làm lại không
được, nó hay là ngộ mình sự cùng ngộ đạo.
Chẳng phải nó hay vì ngộ kinh ngộ sách ở đâu ;
phàm người tu muốn cho đăng thành Phật thì
phải học theo tâm tánh ông Phật vì hồi trước
ông cũng phàm tục như mình, rồi ông tu cách
nào đăng thành Phật, mình phải coi theo đó ;
ông Phật tu làm cho được phần bôu hườn

nguyên ? — Phản bộn là làm sao ? Nghĩa là đem cái bộn tánh về thì được thành Phật chứ có chi đâu lạ. Nay mình muốn làm Phật thì phải làm cho được phản bộn như ông vậy, ấy mới thành Phật được. Ông Phật đâu có tụng kinh, nay mình muốn tụng kinh mà tưởng mình thành Phật, thì khác hẳn với ông đi, đâu có nhằm, nếu không nhằm thì làm Phật sao được ! Phàm người tu hành phải sửa tàm tánh : mỗi việc làm phải có đức hạnh ; người có đức hạnh ấy là Phật, còn những việc tụng kinh cúng dường, đó là những người giữ đạo cho ông Phật ; dầu có giữ đạo cho Phật một muôn năm đi nữa, cũng là người giữ đạo mà thôi, làm chi thành Phật được. Thí vụ ; Mình ở ngoài con đường đời, mình muốn đi học, thấy ông Đốc học quyền cao chức trọng, ý mình muốn làm bằng như ông thì mình phải ráng công học tập cho tài đức bằng ông thì sẽ làm được ông Đốc học vậy. Con mình không học chỉ đi theo ông năn nỉ lay lưc chịn cực khổ xách gói cho ông ngàn năm đi nữa thì cũng không trông gì làm ông Đốc học được, mà lại thành một người xách gói cho ông đó thôi, như vậy đó biết chưa ? Hãy nghe bài kệ này thì rõ :

*Kinh tụng ngàn pho rất uổng công,
Tào Khê một ngọn nước giữa dòng,
Nếu chẳng biết mình trong có lửa,
Làm chi cầu được đạo trường tồn.*

Pháp Đạt lại hỏi thêm, bạch Tôn Sư: «Xin Tôn Sư mở lòng từ bi dạy đệ tử học làm Phật, còn cái công phu của đệ tử bảy năm tụng kinh, nay đã trôi theo dòng nước».

Lục Tổ nghe vậy cũng thương mà nói rằng: «Này Pháp Đạt, như người muốn học làm Phật ta sẽ truyền pháp bửu cho, bằng muốn giữ đạo tụng kinh, thì hãy tìm chùa khác mà học».

Pháp Đạt lay và bạch rằng: «Đệ tử xin học làm Phật, chớ không học giữ đạo. Vì trước đệ tử lạc đường, nay nhờ Tôn Sư chỉ dẫn mới tỉnh ngộ ăn năn hồi hướng theo Tôn Sư cho đến cùng».

Lục Tổ lại nói: «Này Pháp Đạt, những người tu hành xưa nay người nào được thành Tiên, thành Phật, đều phải học chỗ một là chỗ vạn pháp qui nhất, hề người muốn tu thành Phật phải học tại cho một, chừng dặng chỗ một rồi thì vạn sự tất. Người muốn học cho nên đạo phải bắt từ đây mà học. Đạo là vô cực, rất cao xa huyền diệu, chẳng phải nói mà hiểu mà rồi, chẳng phải tu một ngày mà thành. Con đường đạo là vô thượng, chẳng phải gần mà cũng không dễ, nếu dễ thì thiếu chi người thành Phật, Khó lắm!! Khó lắm!! Tu phải bắt từ chỗ vô cực: «Vô Cực Giả Hồng Mông Vội Phán, Âm Dương Vội Phán», nghĩa là: «đạo đã có trước trời đất, âm dương chưa phân», đến khi trời đất và âm

dương đã phân, nên có câu: «Thiên Đắc Nhứt Di Thanh», trời dặng một khí hư vô mà thanh. «Địa Đắc Nhứt Di Ninh», đất dặng một khí trong trược mà yên; «Nhơn Đắc Nhứt Di Thánh», người dặng một mà làm thánh vì sao người đã dặng một mà không làm thánh? «Nhơn Đắc Nhứt Nhi Bất Toàn Kỳ Nhứt» bởi người dặng một mà chẳng trọn thừa một, vì cái một chẳng phải mọi người biết dặng. Tuy là tạo hóa sanh loài người ra, đã cho mọi người đều có ngôi tam bửu cũng bằng trời đất, nhưng Ngài lấy màn bí mật mà che cái chỗ một đó, không cho mọi người biết dặng vì vậy mà người không dặng đồng thái hư nhứt thể, cho nên mấy vị Thiền Sư đều hỏi, «Nhứt Qui Hà Xứ?» Đó có một mà còn không biết cái một nó về đâu, phương chi là năm sáu, nếu không biết chỗ một thì sánh với Tiên Phật còn xa lắm. Vì lẽ là Phật, Thánh, Tiên đều dặng chỗ một, còn mình đi tu mà không tu chỗ một thì thành sao dặng?»

Pháp Đạt hỏi: «Bạch Tôn Sư chỗ một là gì? Xin Tôn Sư chỉ dạy».

Lục Tổ nói: «Trong kinh ký tế có câu: «Phù Tu Đạo Tiên Quan Kỳ Tâm, Quan Tâm Diệu Tại Linh Quan Nhứt Khiển; Nhơn Tự Thọ Sanh Cẩm Khí Chi Sơ; Bẩm Thiên Địa Nhứt Điểm Nguơn Dương. Quả Sanh Thử Khiển Di Toàn Nguơn, Thần; Kỳ Trung Không Không Động Động; Chí Hư Chí Linh. Nãi Ngã Nhơn Chủ Tề», nghĩa là: người muốn sửa mình mà học đạo thì trước phải quán

tâm, ấy là hồi quang phản chiếu, soi cho nhằm cái con đường đạo tâm là chỗ huyết linh quan nhứt kiếu, ời !! người mới sanh ra buổi đầu, chịu khí bẩm của trời đất mà hóa sanh, một điểm nguơn dương mới thành ra một khiếu, cái khiếu này để nuôi nguơn thần, trong khiếu ấy không động động rất hư linh, ấy là chủ tể của con người đó. Nếu dặng cái khiếu này thì sống, không dặng thời thác; người tu hành hề biết được cái khiếu ấy rồi, phải soi nó ra cho trống, thời dặng lăm Phật, Thánh, Tiên, sống bằng thái cực. Hãy nghe bài kệ này:

*Một lỗ huyền quan ở giữa mình,
Cách xa biển Bắc kể huỳnh đình;
Khiếu ấy bao la cùng vạn vật,
Nếu ai biết dặng chứng vô sanh.*

Lục Tổ kệ rồi nói tiếp : «Đó từ xưa những nay, người mà dặng thành Phật, thành Tiên, cũng đều dặng chỗ một mà thành, nên trong tam giáo có nói : «Nho Viết Tồn Tâm Dưỡng Tánh; Thích Viết Minh Tâm Kiến Tánh, Đạo Viết Tu Tâm Luyện Tánh». Đó ba giáo đều chỉ tâm tánh, biểu tu tại đó, nhưng tâm tánh là bản thể của con người, cho nên Lão Tử nói : «Đạo Chi Đắc Nhứt Giã, Đắc Thử Bồn Thể Chi Nhứt», ta đây dặng chơn chỗ một, là dặng trong bản thể chơn chỗ một vậy. «Thích Chi Qui Nhứt Giã, Qui Thử Bồn Chi Thể Nhứt», còn đạo Thích gom về một, ấy là gom về trong bản thể chơn chỗ một.

«Nho Chi Quan Nhứt Giả, Đắc Thử Bồn Thử Chi Nhứt, Nhi Quán Chi Giả Giả», đạo Nho chung suốt một là dặng trong bồn thử chung chỗ một. «Đư U Thử Bất Tri Chấp, Trung Bất Nhứt Quán Kỳ Năng Thánh Nhi Không Tử Hồ», ta đây là Không Tử nên chẳng biết chấp trung bất nhứt, làm sao suốt dặng chỗ một mà thành một vị Thánh hay sao? «Bất Thử Trung Bất Đắc Nhứt, Kỳ Năng Huyền Nhi Lão Tử Hồ»: ta đây là Lão Tử, bằng chẳng thủ trung, thì chẳng dặng một làm sao lập dặng một cửa huyền môn, xưng mình là đạo Lão Tử? «Bất Không Trung Bất Qui Nhứt, Kỳ Năng Thiền Nhi Thích Ca Hồ»: ta đây là Thích Ca nên không lấy chữ không trung mà gom về một, làm sao lập dặng đạo Thiền môn mà xưng là Đạo Thích? Đó người thấy không, trong tam giáo đều chỉ chỗ một.

Từ xưa những nay, người tu mà thành Phật, Thánh. Tiên cũng dặng chỗ một mà thành, nào có ai tụng kinh mà thành Phật dặng đâu! Nhưng cái một, mà trong tam giáo đều kêu tên khác nhau chỉ có một lộ huyền quan mà thôi, như: Nho Viết: Linh Đài; Thích Viết: Linh Sơn; Đạo Viết: Linh Quan». Đó tam giáo kêu tên không giống nhau chớ thiệt nghĩa có một vậy. Đó người thấy không? Có một mà nói nhiều như vậy còn chưa hết thay; nên trong Âm dương kinh có câu: «Nhơn

Tuy Nam Bắc, Pháp Hữu Nhứt Tôn». Nghĩa là :
Người tuy ở phương Nam phương Bắc, cái pháp
chánh có một gốc mà ra, «Các Lập môn Đình,
Thị Phi Tương Thẳng», cần phải lập cửa đạo,
kêu tên đạo, tranh hơn thua hay dở làm gì? Thôi
hãy nghe bài kệ đây :

*Khác tiếng lạ tên nghĩa một mà,
Người đều lập cửa gọi rằng ba :
Nếu dựng thành công về một chỗ,
Tây phương sẽ đến viếng Thích Ca,*

Lục Tổ nói : «Đạo chỉ có một mà thôi, tuy là
có một nhưng nó ẩn trong ngàn kinh muôn sách,
chẳng biết là bao nhiêu, hơi dầu mà học, cho nên
chỗ một, Nhứt Bồn Tán Vạn Thủ, Vạn Thủ Qui
Ư Nhứt Bồn, Đó, chữ nhứt nó bao la vạn vật
rồi muôn vật gồm về một, nói không hết đặng.

Trong Kỳ tế Kinh có câu : «Phàm Tu Đơn
Chi Sĩ, Nhược Dục Phấn Kỳ Bồn Phục
Kỳ Sơ Sử Long Hồ Qui Ư Đảnh Trung Tánh
Tĩnh Hiệp Ư Nội Khiếu, Đương Dung Long
Tùng Hòa Lý Xuất, Hồ Tương Thủy Trung Lai,
Lưỡng Tĩnh Lưu Luyến, Nhị Khí Giao Gia, Thiên
Địa Cấu Tinh, Nhứt Nguyệt Giao Quan, Bản Truyền
Ư Tò Khiếu Chi Trung, ư Nhiên Phục Thủ
Tiền Thiên Vội Phán Chi Thủ, Nhị Thành Hồn
Nguơn Chơn Nhứt». Nghĩa là ; Người muốn tu
luyện kim đơn, thì phải làm cho phấn bồn, là
trở lại hồi buổi đầu, là chỗ cội nguồn, bây giờ

phải khiến rồng cạp gôm về trong đánh, tánh tinh
hiệp vào trong tổ khiêu, chỗ này là giáng long làm
cho rồng theo lửa mà ra, tới đây là phục hổ, phải
làm cho cạp theo nước mà lên đến nê huồn, rồng
cạp gặp nhau, hai tinh lưu luyện không phân,
chỗ này là thủy hỏa ký tề, là trời đất cầu tinh, mặt
nhật mặt nguyệt chiếu sáng, đều gom về trong lò
mà nấu, tự nhiên thành một khí tiên thiên : chỗ
này là tứ tổ qui gia, tam gia tương kiến, đều
dem về lò mà nấu, thành một khí hồn nguyên
chơn nhất, mới trở về chỗ một. Hễ nặng vậy thì
vạn sự tốt, hãy nghe bài kệ này :

Cạp rồng hai gả ở Tây Đông,

Lẽ phải thương nhau chẳng tranh hùng,

Bằng ai giảiặng gom về một,

Thần tiên nháy mắt chẳng lao công.

Lúc Tổ kệ rồi nói : «Phàm người tu muốn
luyện kim đan, thì phải công phu luyện kỹ,
hề đặc kỹ chơn truyền, mới dám ngồi
mà luyện thuốc, nếu không đặc kỹ chơn
truyền dẫu có tu hành một ngàn năm đi nữa cũng
khó mà luyện thuốc choặng ; người tu đan phải
biết việc tu đó là khó lắm, không nên làm bừa,
chẳng phải ý mình biết chữ mua sách đạo về coi
rồi cường giải cường tác, thành ra làm hại cho
tánh mạng, đó là việc lớn không nên làm vậy.
Trong sách có câu : «Thiên Lý Tâm Minh Sư»,

nghĩa là : đường ngàn dặm cũng phải tìm ông minh sư mà học, «vạn lý cầu khâu khuyết», nghĩa là : đường muôn dặm cũng phải cầu lời khâu khuyết. Chẳng phải biết chữ mua sách về học, rồi đặt làm Tiên làm Phật, thì không ai làm thầy ai. Nếu coi sách thì làm sao biết được từ tổ qui gia, tam gia tương kiến, di lư quán đánh, và chiếc khảm điền ly, thiết là khó lắm khó lắm... Vậy hãy nghe bài kệ này :

Ba nhà nay đặt hiệp một đường,
Tứ khò gom về giữa trung ương :
Khó kịp di lư mau quán đánh,
Xây lò từ phủ đồ âm dương :
Nước lửa gặp nhau cung Bắc Đẩu,
Khảm ly ký tế tái khung thương,
Sanh đặt bửu châu nơi ngọc đánh,
Rớt xuống Huỳnh đình thề an khương.

Pháp Đạt lại hỏi : «Bạch Tôn Sư đã giải nghĩa chữ nhứt, chỗ đó là đạo kên có một, nay Tôn Sư đã giải chỗ một, thiết huyền diệu lắm. Còn những việc tụng kinh cúng dường bố thí đặt cầu công đức, việc ấy có vậy không ? Xin Tôn Sư chỉ dạy».

Lục Tổ liền cười ngặt mà rằng : «Thiết nhà người dốt quá, hề đọc sách thì chỉ biết nhơn nghĩa mà ở đời, còn tụng kinh biết ý kinh và lý thuyết của nhà Phật mà thôi ; chớ có cầu công đức chi đâu. Còn việc bố thí cúng dường mà cầu công đức đó thì có. Hai chữ công đức ở bốn hạng như vậy :

1.— Như mình ở ngoài thế muốn cầu công đức cho xác thân, thì phải cúng dường bố thí; cái công đức này làm cho người ta khen, nói mình làm lành chứ không dính dấp gì với ông Phật. Ấy là công đức ngoài thế sự.

2.— Còn như sắc thân mình đây, muốn làm công đức choặng thành một cái pháp thân, là thân Phật, thì phải làm như vậy, có câu : «Bất Ly Tự Tánh Thị Công», nghĩa là : Giờ khắc nào không lìa bản tánh, ấy là công. «Ứng Dụng Vô Nhiễm Thị Đức» Hai chữ Ứng Dụng nghĩa là : Mình làm những việc gì, dầu có thấy công danh phú quý trước mắt mà không nhiễm, ấy là đức, Cái công đức này sẽ đặng làm một vị pháp thân, để hưởng phước đời đời.

3.— Còn mình muốn làm công đức hóa thân, là thân Phật thì có câu : «Tự Tu Tánh Thị Công», nghĩa là : Mình sửa cái bản tánh của mình. Cái bản tánh của mình làm sao mà sửa ? Cái bản tánh mình vì hồi buổi đầu mình có tánh lành, đến lớn lên mắt ngó thấy đời, lo chen lẫn với người làm cho bản tánh phải mờ tối. Nay mình tu đây, là mình sửa nó bỏ cái dơ đem cái lành về, ấy là công. «Tự Tu Thân Giải Đức», nghĩa là : Mình sửa cái sắc thân của mình. Mà làm cách nào sửa cái sắc thân của mình được ? Vì nó chịu phụ thuộc mẫu huyết mà sanh ra, hồi buổi đầu thân

thể đầy đủ khi huyết cụ thành, nay mình đã phá hoại, làm cho khí huyết hao mòn bây giờ đây mình đã hồi tâm thì phải biết sửa nó lại, làm cho nó thành vượng như hồi buổi đầu, ấy là đức. Cái công đức này là của sắc thân để làm đến một vị hóa thân, đăng hưởng vô cùng khoái huyệt.

4. — Còn muốn làm cái sắc thân cho được công đức bảo thân, là thân Phật, thì lại có câu «Niệm Niệm Vô Gian Thị Công» «cái công đức này khó lắm. Ngày, giờ, khắc nào chữ niệm không lìa trong con đường đạo tâm. Đó là công. Cái công này lớn lắm, «Tâm Hành Bình Trục Thị Đức» nghĩa là : mỗi ngày mình làm việc gì, lòng phải cho ngay thẳng, ấy là đức. Cái công đức này thì được sắc thân viên mãn, làm một vị báo thân là thân Phật, được hưởng tiên diên tự tại. Đó, có một cái sắc thân mà phân ra làm công đức bốn bề như vậy, không phải bỏ thì cũng dường mà kẻ công đức với ông Phật được đâu ; hãy nghe bài kệ này :

Nói dặng không làm, nghĩa cũng không?

Có chi mà gọi ấy là công,

Dẫu tụng muôn năm khôn thấy tánh,

Trông gì gặp mặt chữ như ông.

Lục Tò nói : «Nhơn Nhơn Bồn Cụ Tam Thân Phật» là : mỗi người đều có ba cái thân Phật như là cái pháp thân, hóa thân, báo thân, đều ở trong cái sắc thân mà hiện ra chẳng phải ở ngoài,

vì người đời hay chấp mê, nên không biết cái
bồn tánh của mình. Cái bồn tánh của mình là
bồn tánh Như Lai, mà không biết lại bỏ bỏ ôm
cái chấp mê để đi cầu Đức Như Lai thì Đức Như
Lai ở đâu mà cầu? Lấy câu dưới đây mà suy
thì biết: «Ngoại Thủy Vô Ba Toàn Ba Thị Thủy»
nghĩa là: không có nước thì chẳng bao giờ có
sông, mà cả sông ấy là nước sanh ra. Cũng như
không có cái sắc thân này thì làm chi có thân
X(Phật cho được. Vậy có phải Phật là người hay
không? Còn kiếm ở đâu nữa?? Này Pháp Đát,
chẳng phải nước Tây Vực là nước Cao Môn có Phật
còn nước Annam lại không có Phật hay sao??
Nhưng Phật, là người, mọi người đều đẳng làm
Phật, song bị sắc thân này hay nhiễm những việc
thế sự và hay làm cho người đẳng quyền cao chức
trọng; thiết cũng vì nó mà làm cho con người bị
khổ bị hại đó, nên có câu: «Thôi Nhơn Dĩ Phó,
Nhơn Tân Thị Nhứt Bản Thủ», ấy có phải
là tại cái tay nó độc như vậy hay không?? Nó
* đã xô người rồi nó lại đỡ người rất dễ. Xem đó
thì biết câu: «Tri Kỳ Yếu Nhứt Ngôn Nhi Chung,
Bất Tri Kỳ Yếu Lưu Tân Vô Cùng», nghĩa là:
biết đẳng cái yếu lý của nhà Phật, và của đạo thì
một lời nói cũng trọn, bằng không biết vậy, dần
có viết hết giấy, hết mực khô ngòai viết đi nữa thì
cũng không cùng được; trong kinh Niết bàn có câu
«Thế Nhơn Chư Pháp Vô Niệm Bất Niệm»

Bất Thức Tự Tánh Bác Nhã, Du Như Thuyết Thục Bất Bào», nghĩa là : người đời hằng niệm câu bác nhã, chẳng biết cái hồn tánh bác nhã là gì ; cũng như nói ăn mà chẳng ăn làm chi cho no và cứ nói một chút nữa ăn hay bây giờ ăn nói như vậy hoài hoài làm sao cho no được. Có câu : «Khâu Đẳng Thuyết Không, Vạn kiếp Bất Đắc Kiến Tánh, Chung Vô Hữu Ích», nghĩa là : cái miệng nói không, dầu cho muôn năm cũng không đặng thấy tánh : thiệt không ích gì. Cũng như nói một hồi nữa tôi đi Tây Phương, một chút nữa tôi sẽ về xứ Cực lạc, nói đi mà không đi, rồi có tới hay không hử ?? Nay Pháp Đạt, phàm làm người tu hành phải đem hết tâm chi để trước mắt rồi xét coi cho kỹ trong mình của mình lại xem đến việc ngoài mình, nhìn coi cái nào thiệt cái nào gả phải biết cái nào hư, cái nào nên mà dùng mới là không lầm.

Phật ở đâu ? Phật là mình, mình đây là Phật, Phật tại tâm, tâm tức Phật, chớ Phật đâu có ở trên mặt sách tìm kiếm mất công, hãy nghe bài kệ này :

*Trong mình ta đủ há vọng cầu,
Dọn xuống một đường phải cho sâu,
Ở xa ngó thấy chơn tiên tử
Đương ngồi phán chiếu luyện phép màu.*

Pháp Đạt lại hỏi : «Bạch Sư phụ đã giải nghĩa cùng đường bồ thí, rồi còn hai chữ sấm hối làm

sao ? xin sự phụ chỉ bảo.

Lục Tổ nói rằng: «Thằng này nhiều chuyện quá hãy nghe ta giải nghĩa hai chữ *sám hối*: «*Sám* Giả *Sám* Kỳ *Tiền* Khiên, *Hối* Giả *Hối* Kỳ *Hậu* Hóa» Hai chữ *sám hối* nghĩa như vậy đã, vì vậy mới có việc *sám hối*. *Hối* buổi trước chưa có trời đất, thì có một vị *Ngươn Thi Thiên* Vương hóa thân. Từ ngày ấy cả thấy *ngươn thần* lạc về hậu thiên, thời chơn linh xuống phàm đầu thai, mới sanh sanh hóa hóa nhiều kiếp nhiều lần, nên có việc tiền khên như quả; cũng vì vậy mọi người phải sanh lại cõi như độ này, mới có như duyên quả báo, hoặc đòi nợ hoặc trả nợ. Nếu người sanh lại chốn như độ này, đều là người không tội nên, mới đặng sanh làm người. Bằng có tạo tội thì phải bị tay *Diêm Vương* tra xử và còn phải vào trong tứ ngục đầu thai, hoặc thai sanh, nắn sanh, thấp sanh, hóa sanh; phải lăn lộn lộn mà đền cho hết cái tội ở địa ngục, rồi mới đặng sanh ra làm người. Nay mình đã sanh đặng làm người, cần gì mỗi ngày phải đi lạy *sám hối* làm chi. Lạy là gì? Lạy vậy có ích chi không? Nay *Pháp Đat*, mình có tội thì *Diêm Vương* đã trị tội rồi, nay mình hết tội mới đặng đầu thai làm người; cần có chi phải đi lạy *sám hối* nữa? Thôi như có *sám hối* thì phải đi lạy *sám hối* với *Diêm Vương* mới phải, vì người coi về phần chánh trị

và chấp chưởng việc xử đoán những điều tội phước, mà đi lay sám hối với ông Phật là nghĩa gì? Tuy nói như vậy chớ xét cho kỹ, có tội lay hoài cũng không tha, bằng sợ tội thì đừng làm quấy. Hai chữ sám hối là tại hồi buổi đầu mình gây những việc không lành, nên phải trở lại cỗi nhơn độ này dặng đòi nợ hoặc trả nợ. Nay mình sám là sám kỳ tiền khiên, là mình không có gây nữa, mà cũng không tạo những việc tiền khiên nữa. Đó là sám. Con hối mình sanh dặng làm người đây thì phải hối hận ăn năn từ đây đến sau không tạo việc dữ, không làm việc lỗi nữa, dặng mau trở về con đường cũ cho tiêu điều tự toại, đó là sám hối. Chẳng phải đến chùa lay sám hối, rồi về nhà tạo những việc oan khiên, như vậy mà sám hối cái gì?? Sám hối cách đó thì đầu gối phải sưng, thành ra xuội bại phải rước thầy, dặng trừ bệnh sám hối. Hối là mình hối, mình xét mình không làm điều quấy, không tạo việc luân hồi quá báo nữa, nghĩa là hối. Vậy nghe bài kệ đây:

Hai cội cách nhau lý một mà,

Dương gian Âm phủ chẳng dẫu xa;

Sợ tội gìn lòng đừng làm quấy,

Phạm luật lay hoài cũng chẳng tha.

Pháp Đạt hỏi thêm: «Bạch Tôn Sư đã dạy những việc tu hành và giải nghĩa cho đệ tử nghe thiệt là phải lắm; nay đệ tử xin thọ giáo với Tôn Sư, chẳng biết dùng lễ vật chi và đặt bàn hương

án, làm sớ cáo với Phật hay không? Xin Tôn Sư dạy bảo».

Lục Tổ nghe hỏi liền cười ngất mà rằng: «Thằng này lên là Pháp Đạt mà dốt quá, không thông chút nào thiết là chấp mè. Người không thấy trong Kinh Thư nói hay sao? «Khai Tri Bất Đãi Nguyệt Tri Thành Nguyệt Tự Lai», nghĩa là: Đào ao chẳng phải chờ có mặt trăng mới đào đặng, hề mình đào ao rồi thì mặt trăng tự nhiên mà đến. Đó là do cái lý tự nhiên. Hề mình muốn tu, thì phải làm sao cho đức hạnh đầy đủ, nếu đầy đủ rồi thì cái điển lành của mình nó tỏa ra trên cảnh hư không, chừng đó Tiên Phật thấy mình có đức hạnh hoàn toàn, ngài đến rước mình. Còn bây giờ đây mình mới đi tu, chưa biết được hay không mình lại làm sớ cáo trước cho Phật hay, nếu mình tu không được, chừng gặp ông Phật ngài hỏi mình: «Sao hôm nọ nhà ngươi làm sớ cáo rằng: nhà người đi tu? Sao bây giờ người không tu, là nghĩa gì??» Rồi nhà người trả lời làm sao: Có lẽ nhà người trả lời rằng: «tôi tưởng đi tu chừng năm sáu ngày thì đặng thành Phật, ai ngờ lâu quá, nên không tu nữa, hay là nhà người nói ăn chay xót ruột, ly gia bị nhớ nhà rồi nửa chừng mà thôi đi chăng? Hay trả lời làm sao hử? Thôi hãy nghe bài kệ này:

*Đẹp lẫn sắc tương với thính âm,
Chẳng phải đau xa nhọc sức tâm,
Hé cửa thiên môn dòm ngó thấy,
Cần gì dưng sớ đến Quan Âm.*

Pháp Đạt nghe kệ rồi lại hỏi : «Bach Sư phụ, bảy giờ dạy con tu chỗ một rồi tu đến đâu mới kết quả.»

Lục Tổ liền nói : «Cha chả, mới học mà hỏi thăm 'ngày kết quả, bộ nhà người nói hàng bánh gì hay sao, muốn ăn chừng nào cũng đặn? Người hãy nghe kệ đây :

*Tâm trống bưng gọi là tu.
Đời lò sửa bếp ấy công phu,
Từ đây bước lên đường vô thượng,
Công viên quả mãn trót mười thu.*

Lục Tổ liền kệ thêm ba bài nữa, chỉ cách công phu mười năm.

KỆ RANG:

*Mười thu xa lánh chốn hồng trần,
Sớm tối trao đổi cái sắc thân :
Phải vận châu thiên đều tức chí,
Kịp toan hái thuốc dưỡng tinh thần.
Trở xe phong hỏa qua Bắc Hải,
Mức nước Liêm tiên đặn nửa cân;
Vào lò bát quái mau đúc lại,
Cho thành một vị thật chữ nhân.*

HỮU :

Chủ nhân ngời ấy chẳng phải ai,
Vì phạm thiên cơ phải bị đày :
Nếu muốn trở về nơi Cực Lạc,
Bảy ngày hái thuốc luyện Thánh thai.
Mười tháng dưỡng nuôi công cực khổ,
Ba năm bông âm chẳng rời tay :
Chờ có đơn thơ cùng chiếu triệu
Tiên hạc rước về cõi Thiên Thai.

HỮU :

Thiên Thai phong cảnh thật là xinh,
Hé cửa Thiên Môn thấy lạnh mình,
Trên đánh trời êm mây che phủ ;
Dưới chùa gió tạnh rất huyền minh,
Tuyết xuống ngọt ngào đường cam lộ ;
Hơi lên muôn trượng thấy mà kinh ;
Bốn bề chiếu sáng xem không mới,
Mặt diêm xung ra giữa Huỳnh Đình.

Lục Tò kè rồi nói : «Đó bắt từ chỗ một cho đến mười năm, phải làm theo trong mấy bài kệ đây, như vậy mới đặng kết quả. Tu khó như vậy chứ nhà ngươi nói thành Phật dễ lắm hay sao ?»

Pháp Đạt thưa : «Hồi nào đến giờ con tụng tụng kinh thành Phật, nên cứ việc tụng kinh hoài ai ngờ đến nay gặp Tôn Sư dạy tu chỗ một, rồi đến chỗ dơi lò sửa bếp, hái thuốc nấu đơn, mới

thành Phật thì đệ tử mới biết việc làm Phật là khó.»

— Này Pháp Đạt, Đạo có một nhưng mà hai chỗ một, để ta nhắc lại cho người nghe, chỗ một này là trước hết. Bèn Cự Lạc hồi chưa có trời đất chỉ có một vị Phật tên Vô nguyên Cồ Phật, ông này thành Phật hồi chưa có trời đất, ngài luyện đặng hai mươi bốn hột minh châu hóa làm hai mươi bốn vị Đại Giác Kim Tiên ; chừng có trời đất rồi ngài mới chia ra cho xuống phàm đặng lập đời Thương Cồ, đó là mấy vị Kim Tiên giảng sanh. Vậy nên đời Thương Cồ người tâm tánh hiền lương, không làm việc dữ, nên không cần lập đạo. Đến sau cách mấy ngàn năm, đời càng ngày càng thanh, người càng ngày càng đông, mới sanh ra những việc không lành, cho nên phía Tây Vực gọi là Hung Nô, lập nhà chánh trị, bầy những máy quét người, thiệt là tàn bạo sanh linh, vì vậy mà đức Thái Ất Hồng Quan Đạo Quân giảng sanh xưng hiện là Lão Tử. Khi ngài qua đến Tây Vực, thấy cái máy giết người thì ngài lấy tay chỉ ra một cái máy liền tan nát, nên người gọi là Cồ Tiên sanh. Từ đó đến một ngàn năm sau Phật Thích Ca ra đời lập đạo Phật tại Tây Vực, rồi ngài truyền lại đặng 28 vị Tổ Sư. Sau có đức Bồ Đề Đạt Ma Tổ Sư đi qua Trung Nguyên nhằm đời nhà Lương Võ Đế, ngài là Sơ Tổ đem đạo Phật qua đất Trung

Nguyên lần đầu, truyền ra được năm người tới Ngũ Tổ là thứ năm nên gọi là : «Nhứt Huê Sanh Ngũ Diệp», ấy là một gốc mà sanh ra nhiều nhánh như vậy. Bây giờ đến ta đây là kỳ chót, người hãy nghe ta truyền đạo cho, người phải nhớ đừng có quên đạo ở trong mình của mình chẳng phải ở đâu xa mà tìm; trong thân của mình, trên nê hườn có một cái cầu, kêu là : «Thượng Thước Kiều.» Nơi ấy có ống khóa chừng ngời thất nhứt thẻ dương tinh, nếu có hái thuốc nấu đơn thì khóa nó lại, bằng dễ thuốc lọt ra ngoài ắt là nguy hiểm. Còn ở giữa mình của mình gần mé biển Bắc có một huyết gọi là huyết tổ khí, chỗ này có một người con gái giữ cửa ải cầm xâu chìa khóa ; phép mở ống khóa này phải vặn 16 lần, thì cửa ải mới mở. Từ xưa đến nay người mà ra khỏi tam giới cũng phải noi theo cửa ải này mà ra mới đặng. Hãy nghe bài kệ này :

*Muốn ra ba cõi chẳng khó chi,
Thần khí gom về chốn huyết ni,
Mở khóa chờ cho trong hể cửa,
Ba nhà hiệp lại kết anh nhi.*

Lục Tổ có nói : «Từ đây ta truyền pháp bửu cho người còn Y Bát ta không truyền được, vì Tôn Sư ta là Ngũ Tổ có nói : «ta ra dạy Đạo kỳ này đây mấy người phải rán lo tu hành cho đặng Đạo rồi

cũng tiêu điều tự toại, chớ không dặng ra dạy đạo nữa vì có một lần này là lần chót hết. Đến hai ngàn năm sau có một vị Tôn giả ra đời dạy đạo». Hãy nghe bài kệ này :

*Hèn lâu mới có đạo một lần,
Tứ chúng khá tua kịp ân cần,
Mau chớ bước đến đường vô thượng,
Chậm phải luân hồi khổ sắc thân.*

Pháp Đạt lại hỏi : «Bạch Sư phụ đã dạy con từ thất nhứt đến thập ngoát hoài thai, tam niên nhũ bộ làm sao con chưa hiểu rõ xin Tôn Sư dạy kỹ con mới dám ngồi mà tu, nếu hiểu không rành lòng phải hồi nghi thành ra tu hành trễ nải».

Lục Tổ nói ; «Thiệt phải vậy, hành đạo khó lắm mình làm Tiên Phật đâu có dễ, người hãy nghe đây : nếu muốn luyện kim đơn phải ngồi bảy ngày gọi là thất nhứt thể dương tinh, hái thuốc, nấu đơn dặng luyện thành kim đơn. Cách luyện kim đơn này thật là khó lắm, người tu đơn đến đây biết hạ thủ mà không biết hái thuốc, thì cũng không thành đơn ; biết hái thuốc mà không biết mùa tiết cũng không thành đơn : biết ngày phối hiệp mà không biết giờ nào thuốc lên, giờ nào thuốc xuống, cũng không thành đơn ; nếu biết giờ thuốc lên hay xuống mà không biết cách nấu, đề tới quá dùng cũng không dặng còn chưa tới thì không thành đơn. Tu luyện kim đơn đến đây, phải học cho biết thời tiết ngày giờ, vậy phải biết câu :

«**Dương Tinh Tùng** Thanh nguyên Nhi Sanh, **Tảo Thê Chi**: **Dương Tinh Tùng** Trước, **Nguyên Nhi Sanh**, **Tắc Khí Chi**, phải biết thanh trước như vậy mới đúng. Thanh nghĩa là gì? Ấy là ban ngày không thấy sắc, tâm không mong tưởng mà ban đêm dương thân ngoại động, đó là đại được phát sanh. Ấy là thanh nguyên hấy mau ngồi dậy hái thuốc. Thuốc này là kim đơn đại được phải dùng đại châu thiên, đem lửa hỏa hậu lên mà nấu, bây giờ dầy dả vào thất nhứt, không dùng lửa núi Nam, không dùng lửa hồi quang phản chiếu, không dùng tiền chân thiên, đến đây gom tam muội chơn hỏa đem vào lò nấu kim đơn mới đúng. Còn trước nguyên là gì? Là ban ngày thấy sắc thì tâm vọng tưởng mà ban đêm dương thân ngoại động (tắc khí chi) thì bỏ; muốn bỏ phải làm sao? Là không phải lọt ra ngoài, mình phải đứng dậy làm như vậy... như vậy... thì lược nó lại, cái nào trước theo con đường cổ đạo mà ra, con cái nào thanh trở lại lỗ Liên tiển sẽ thành nước tân dịch, là nước miếng sau mở trở lại bản quan, chừng mình vận đại châu thiên nó lại thành nước cam lộ. Đó cách nấu thuốc như vậy. Đủ bảy ngày rồi sẽ vào nhập định, từ một ngày đến ba tháng thì hơi thổ hô hấp đều tít, thổ nhỏ như sợi chỉ, thổ tại huyết tề luân hư cảnh. Từ đó ngồi cho đến bốn năm tháng, thì khí hô hấp nó như cái ngọn thần tịch chiếu. Đến đây hết ăn; chỗ này đạo gọi là diệt định. Bây giờ cái ngọn thần nhờ phần

ngươn khi bồi dưỡng thành ra dương minh bắt muối; người mà ngũ dồ thuộc về kinh dương minh, lúc này kinh dương minh đã đầy đủ thì làm cho mình không buồn ngũ nữa. Đó là chứng quả chơn không.

Đến đây hơi thở ngưng, hết ăn hết ngũ thì mới kiết thánh thai, phải giữ đến sáu bảy tháng, ngày đêm mờ mịch, yếu yếu mình mình, đều tám chín tháng trăm mạch đều ngưng, tới đây màu trắng, chỗ này là : «Phế Âm Thủ Dương», giữ như vậy cho đủ mười tháng thì được thông dương thân quý đại định. Lúc bảy giờ tám đồng phát hiện ra ngoài đều biết lục thông : «Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông, Thụ Tâm Thông, Mạng Túc Thông, Lâu Tận Thông, Thần Canh Thông. Lúc ấy đều thông các việc ngoài mình, những việc đi vắng dơ lại đều biết, đó là thập ngoại hoải thai : người tu phải nhớ, phải can đảm không nên nhút nhát và không dưng ép mình, để tự nhiên như vậy ; chứng nào hết ăn, không ngũ thì thôi, nếu không ăn thì đừng sợ còn không ngũ thì đừng lo. Hễ người làm đạo đến đây nó đổi cái cảnh phạm hiện cảnh Phật ra, vì là Phật phạm khác nhau. Hễ ông Phật, ông Tiên thì không ăn không ngũ còn ngũ đó là chúng sanh người tu đơn đến đây nếu thấy không ăn mau đi hốt thuốc về uống cho ăn lại thôi thôi đừng có tu. Tu mà sợ chết mà tu cái gì? Hãy nghe bài kệ đây :

Bảy ngày hiệp đủ đại châu thiên,
Giờ khắc không ngưng phải vận liên,
Dương quan nhị hiện thấi thông khí,
Nội cảnh yếu điều kiết thai tiên.

HUU

Thai tiên mười tháng chờ đẻ liền,
Đại định yêm liêm tịnh tự nhiên,
Ngôi đứng đường nuôi công cực khổ,
Ba năm đời hắng thương đơn diễm.

HUU

Đơn diễm mở cửa thấy Thiên Môn,
Thùng thăng ra vào chớ bồn chồn,
Xuất định chẳng cho ngoài thế giới,
Nhập vào phải ở giữa căn khôn.

Lục Tổ nói: «Đó là thập ngoạt hoài thai, tam
niên nhũ bộ. Bắt đầu ngồi đến chín năm, là cứu
niên diện bích, tu đến đây khởi luân hồi đặng
hưởng đời tự tại. Hãy nghe bài kệ đây:

Chín năm mắt ngó chẳng luân tròng,
Thần khí gom về ở giữa trong,
Mở ngọn tâm đặng chờ gió thổi,
Đẹp đường xa lộ đã gần xong,

HUU

Gần xong đạo cả sẽ lên đường.
Âm khí tiêu mòn đã thống dương;
Mở cửa thiên môn châu kim khuyết,
Từ đây về tới chốn quê hương.

Lục-Tổ kể rồi lại nói : «Đó là cữu niên diện bích, nay ta truyền hết cho người, người hãy lo mà tu hành».

Pháp Đạt qui lạy tạ ơn rồi trở ra kiếm chỗ ở mà tu. Từ đây không lo việc tụng kinh cùng dường nữa.

Nói về Lục-Tổ đương thuyết pháp cho tứ chúng nghe, có tên tăng Pháp-hải ở quận Thiệu Châu người ở đất Khúc-Giang, nghe đồn Lục-Tổ dạy đạo tại chùa Bửu-Lâm nên đến ra mắt ngài mà hỏi : «Tâm tức Phật Nguyên Thi Chỉ Đạo, xin Tôn Sư dạy bảo vì cớ nào mỗi đơn kinh đều nói : «Tâm tức Phật, Phật tức tâm», mà đệ tử chưa thấy một ai làm Phật tức tâm, chớ đệ tử chỉ thấy các nhà tu hành, đều làm Phật tức miệng, ấy là mỗi khi niệm thì nói : «Mô Phật». Như vậy là Phật tức miệng, làm sao tâm được ? Xin Tôn Sư dạy bảo».

Lục-Tổ trả lời rằng : «Lanh thay lanh thay, thiết người hỏi phải lắm, bị như vậy mà xưa nay không có ông Phật nào là Phật mới, tính không Phật cũ không, vì tại làm sao người biết được ? Cũng tại chữ tụng chữ niệm không phân. Taog là gì ? Niệm làm sao ? Người có nghe lời của Tổ Thế Tôn nói như vậy hay không : «Nầy tứ chúng ai muốn làm Phật như ta, khỏi tâm ở đầu cho mắt công, Phật ở lòng người». Tứ chúng cứ dờ trên mặt sách mà tâm hay lên núi mà kiếm tài

không bao giờ thấy Phật đặng. Trong kinh Pháp Hoa có nói : «Niệm Niệm Bất Ly Tâm», đó thấy chưa ; người hãy nghe ta giải nghĩa chữ tụng chữ niệm phàm minh, rồi sẽ giải nghĩa chữ tâm luôn thể. Chữ *tụng* nghĩa là học, chữ *tụng* thì chữ *ngôn* bằng *khẩu* mà ở trên, chữ *dụng* là dùng ở dưới đó là dùng lời nói ở ngoài miệng, để học cho mau thuộc, chứ nó không dính trong tâm chút nào. Biết chữ *tụng* hay chưa ? Còn chữ *niệm* chẳng phải nói thầm gọi là niệm, mà cũng chẳng phải miệng nhóp nhép gọi là niệm, không nhằm không trúng dần ! Chữ *niệm* như vậy : *nhơn* ở trên, *nhĩ* là hai ở dưới, có một sớ *ngay xuống chữ tâm*, đó là : «Âm Dương Hiệp Nhứt»; một sớ *ngay xuống chữ tâm*, cái sớ đó là con đường đạo tâm. Hễ người tu đến đến đây mới biết người có hai tâm là : «Nhơn Tâm, Đạo Tâm». Một cái *nhơn tâm* và và một đường Đạo Tâm. Trong Đại Bồ Khuyết Tâm Kinh có câu «Cổ Tâm Vô Khoái Ngại» là chỗ này. Lại có câu «Nhơn Tâm Dĩ Quá, Đạo Tâm Thường Tồn. Tự Nhiên Vô Khoái Vô Ngại», phàm người tu hành phải làm cho cái *nhơn tâm* tử, thì con đường Đạo Tâm hằng còn ; như vậy thì tự nhiên vô khoái vô ngại. Đã thành Phật rồi thì tự nhiên mới có hai chữ vô khoái vô ngại đó. Cho nên trong Đạo Đức Kinh có câu : «Giáo Nhơn Khử Nhơn Tâm, Nhi Thủ Đạo Tâm», hễ người tu hành phải bỏ cái *nhơn tâm*, tu mới đặng. Vậy phải làm sao mà bỏ, nghĩa là phải bỏ

cái tâm hào sắc, tham muốn sân si, tà dâm, vọng tưởng và các tướng, đó là bỏ cái như tâm như vậy. «Nhi Thủ Đạo Tâm» là giữ con đường đạo tâm; nếu muốn giữ con đường đạo tâm thì phải dọn cho nó sáng suốt, rồi phải thêm dầu cho tâm sáng phát hiện ra ngoài, chỗ này gọi là : «Thất Năng Sanh Huệ» tới đây còn lo chi mà không sáng thành tựu. Trong Chơn Giải có câu : «Thế Nhơn Chi Tri Hào Thiên, Nhi Bất Minh Tiên Thiên Ồ!!! người đời chơn biết hào thiên, mà chẳng biết được phần tiên thiên; lại chẳng hiểu cái nào khinh, cái nào trọng, hễ gặp thì dùng, không biết món nào quý, món nào không quý, bị như vậy rồi cứ lẫn lộn trong con đường lục đạo không dứt. «CHỈ TRI NHƠN TÂM NHI BẤT MINH ĐẠO TÂM». Nghĩa là : Chơn biết cái như tâm mà không sáng con đường đạo tâm, vì vậy mới lần lữa chưa diễm phúc đời đời kiếp kiếp. Nên có câu : Thế Bất Tri Nhơn Tâm, Địa Giải Bất Nhứt Cốc Cốc Nhứt Phương», nghĩa là : Chơn cũng biết cái như tâm cũng cái đạo tâm, không phải một chỗ ở, chia ra làm hai phương. «Nhơn Tâm Cư Ngủ Tạng Chi Hạo cái như tâm ở dưới ngủ tạng, vì vậy mà hay nhiệm việc thể tục hay mê lẫn việc công danh, vui theo biển sanh tử. Còn «Đạo Tâm Sở Cư Linh Đãi Chi Trung»; con đường đạo tâm lại ở trong huyết linh đài trọn vậy mà sáng mờ mờ mịt mịt yểu yểu minh minh Con đường đạo tâm này, như hồi buổi đầu còn ở trong

bụng mẹ, mình nương theo mẹ mà thở, khi đủ mười tháng nghe nổi một tiếng mình theo đó mà ra thì khi tiền thiên đã thâu, lại tiếp khí hậu thiên. Bây giờ theo chỗ gần là gần khí hậu thiên, mà từ chỗ xa là xa khí tiền thiên, không đặng cùng thái hư đồng thể mà hưởng vô cùng vô tận. Bây giờ đây mình phải tu đặng đem khí tiền trở về đôi khí hậu thiên, mà thành một khí hồn ngươn chơn nhất : làm như vậy ta mới trọn đặng một khí hư vô, đồng thái hư một vóc. Trong Đại Bồ Khuyết Tâm Kinh có câu : «Thị Đại Thần Chú Thị Vô Hằng Hằng Chú», câu này đáng tụng hay không ? Câu này là : «Phi Thánh Thần Bỉ Ngử Chi Chú», vì câu chú này không phải câu chú của ông thần ông thánh đâu mà tụng. Câu này là nguyên hồi Đức Ngươn Thi Thiên Vương sanh ra trước khi có trời đất, ngài thấy đời Thương Cồ người chưa có nhiều nên ngài mới hóa thân là hóa cái ngươn thần cho xuống đầu thai nhưng bị lạc về hậu thiên, bị «Khí Bầm Sở Cầu, Nhơn Dục Sở Tế», nó che lấp cái bản tánh hồi buổi đầu làm cho con người phải chịu sanh sanh hóa hóa đời đời kiếp kiếp. Đó là câu «Thị Đại Thần Chú» Nay mình muốn trở nên một vị vô sanh, thì phải tu đặng đem cái ngươn thần trở về tiền thiên đặng giải thoát, không trở lại cõi nhơn đồ này nữa. Thôi hãy nghe bài kệ đây :

*Bồn tánh Bồ-Đề tức đạo tâm,
Hà tất xu xu hướng ngoại tâm,
Nếu đăng chơn truyền cùng châu khuyết,
Một lời biết niệm mở đạo tâm.*

Lục Tổ nói : «Đó là tâm tức Phật, đâu có chi lạ. Có câu : «Tiền Niệm Bất Sanh Tức Tâm», nghĩa là : mới khởi đầu câu niệm mà chẳng sanh ấy là tâm : «Hậu Niệm Bất Diệt Tức Phật», nghĩa là : mình niệm không dứt câu niệm tại con đường đạo tâm, ấy là Phật. «Thành Nhứt Thiết Chư Tướng Tức Tâm, Ly Nhứt Thiết Chư Tướng Tức Phật», nghĩa là : cả thấy các tướng sanh ra đều tại tâm, lia đăng các tướng ấy là Phật. (các tướng là thịnh âm sắc tướng).

Khi Lục Tổ nói đến đây thì Pháp Hải lại hỏi : «Liạch Tôn Sư đã giải nghĩa tức tâm, tức Phật thiệt là có lý lắm. Xin Tôn Sư dạy cách hành đạo làm sao cho thành tâm tức Phật. xưa nay cái nói thì có, còn cái hành đạo là không. vì vậy mới là không thành Phật. Nay con xin Sư Phụ chỉ chỗ nào gọi là : «Phi Mao Tung Thử Đắc», làm sao xé chữ *mao* mà theo ấy đăng? Làm Phật tại chữ *mao* hay là làm sao?

Lục Tổ nói rằng : «Thằng này dốt quá, người thiệt là cố chấp, nầy chữ *mao* nó giống chữ *tâm*, chữ *mao* có một phết ở trên đầu rồi uốn câu, lấy hai ngang giữa làm hai chấm thành chữ

--

tâm. Đó tâm Phật tại tâm chứ chi đâu mà cố chấp nữa. Nầy Pháp Hải người hãy nghe ta chỉ chỗ hành đạo như vậy mới là tức tâm: bắt đầu là đầu, đây là đuôi, đây là tâm, tâm là Phật biết không. Niệm như vậy thì nó trùng con đường đạo tâm, ngồi khòim đầu một chút, cho nó mở trống con đường tào Khê rồi niệm như vậy..... như vậy... , Hãy nghe bài kệ dưới đây :

*Tu hành cần phải dưỡng đạo tâm,
Chớ tính đầu xa nhọc sức tâm,
Trước tập tham thiền ngồi đại định,
Đặt vào cho trùng chỗ đạo tâm.*

Đó, làm như vậy mới là tức tâm. Chỗ này là của đạo, đây là đầu chỗ pháp môn, người mới vô tu phải tu từ chỗ này trước. Chỗ này là một thừa, ấy là sơ thiền. Hễ người muốn tu mà làm Phật làm tiên phải vào đến bậc tam thừa mới có ngày kết quả.

Pháp Hải hỏi «Bạch Tôn Sư, chỉ cách hành đạo như vậy nghe thì phải, nếu mình dọn con đường đạo tâm theo chỗ Tôn Sư dạy, khi mình sửa soạn đã trống, nhưng Phật không tức tâm, không có ông Phật tại tâm, rồi mình bắt thường ai bây giờ ?»

Lục Tổ liền cười ngất mà nói rằng : «Thiệt là chấp mê quá. Này Pháp Hải người biết ông Phật là ai không ? Ông Phật là *giác*. Người biết chúng sanh là ai không ? Chúng sanh là *mê*, hễ «Giác Giả Phật, Mê Giả Chúng Sanh». Đó hai chữ «Giác Mê» mà thôi. Ta đây đã lấy bốn tánh Như Lai mà thuyết pháp cho nhà người nghe. sao nhà người còn chấp mê hoài ? Trong Niết Bàn Kinh có câu : «Tâm Tự Vô Tâm Phật, Hà Xứ Cầu Chơn Phật» là như cái hồn tâm mình không phải tâm Phật thì chỗ mà người ta cầu đang chơn Phật ? Người không nghe kinh thơ nói hay sao : «Nhứt Kim Thành Vạn Khí, Vạn Khí Tổng Lai Kim», nghĩa là : Một cục vàng người muốn làm một muôn món đồ cũng đang, trong một muôn món đồ đó cũng đều bằng vàng ; nếu không phải vàng lấy chi mà làm muôn món đồ đó vậy Cho nên cái sắc thân của con người đây đang làm Phật, Thánh, Tiên cùng là quau dân cũng đều tại cái tâm cả thấy. Vậy người nghe bài kệ đây :

*Các việc hư nên bởi lòng ta,
Phật, Tiên, Thần, Thánh có đâu xa,
Lấy đuốc soi vào trong hang tối,
Dưới cội Bồ Đề thấy Thích Ca,*

Lục Tổ lại nói : «Thủy Lưu Nguyên Tại Hải, Nguyệt Lạc Bất Ly Thiên», nghĩa là : nước tuy chảy ra nhiều nguồn, nhiều nhánh cũng đều về biển, mặt trăng tuy lặn há lia trời đang hay sao ?»

Pháp Hải nghe Lục Tổ nói có lý phát đại ngộ nên qui lạy Tôn Sư, đứng chấp: «Bây giờ đây con hết lòng hồ nghi nữa, xin Sư Phụ cho con lên non ở tu hành vì con ở đây không có ngày giờ rảnh mà tu, thành ra một ngày qua một ngày, mang tiếng tu hành mà khôngặng giải thoát, uổng công vô ích».

Lục Tổ nghe vậy cười mà nói rằng: «Đạo Tồn Khôi Ngại Cư Sơn Cốc, Tâm Tịnh Hà Phòng Cạn Thị Thành», nghĩa là: người tu hành chẳng phải lên non núi mà tu mới đặng, chỉ tại ngộ đạo, ngộ minh sư, chớ không cần ở núi. Tâm tịnh là con đường đạo tâm nó đặng thanh tịnh rồi, nào sợ gì ở chốn thị thành mà tu không được. Phàm người tu hành chẳng phải lên núi mới tu, ở thế tu không đặng hay sao? Hễ người tu là tâm tu chẳng phải núi tu, bây đặt mang gói lên núi, ít ngày tuột xuống, cũng xưng mình là thầy tu núi mới về. Nay Pháp Hải «Tác Phật Dụng Phật Tánh Tác Chúng Sanh Dụng Chúng Sanh Tánh» nghĩa là: Làm Phật phải dùng tánh ông Phật, còn làm chúng sanh phải dùng theo tánh chúng sanh».

Pháp Hải nghe Lục Tổ nói một hồi, mới yên lòng ở lại chùa mà tu. Người này sau làm chứng tử cho Lục Tổ, ngài tu đến sau cũng thành một vị Viên giác.

Bây giờ đây Lục Tổ thuyết pháp cho tứ chúng nghe, ngài nhắc lại thuở mới đi tu, nhiều việc khổ ách, đa mấy phen Thân Tử sai người theo mà giết, thật là cái hạnh người tu hành phải vậy, phải chịu cho trăm cay ngàn đắng mà không dòi dôi tâm chí mới đặng, vì sắc thân của người đây là chúng sanh, mà mình muốn làm cho đặng một vị pháp thân mình phải dòi mài trao chùi nó lại gọi là tu, chớ tu mà không cho nó khổ hạnh, tu mà không giám sửa cái sắc thân, cứ bỏ bỏ nuôi cho nó ú mập, cho nó ăn cho no, để nó ngủ cho kỹ, vậy mà tu cái gì? Tu như vậy, dầu có tu muốn năm cũng không ích. Trước mắt đây coi ngoài con đường đời, hề người nào hồi nhỏ đi học mà vì cái mình của mình mà học thời nèn, còn vì bạo mà học thời hư. Tu cũng vậy, mình tu đây là mình vì cái sắc thân của mình, nó hay đau hay già, hay chết, vì vậy mới đi tu: tu đặng giải thoát, đặng thành một vị vô sanh bất diệt, đó là tu. Cái này tu làm sao, vì những việc thế lợi, vì những việc tu dòng đi theo mà tu vậy mà thành cái gì? Tu là sửa mình của mình, mình không sửa nó mà mình mượn người sửa cho mình, trông gì thành cho đặng! Nay tứ chúng từ xưa đến nay có thấy ông Phật nào đi tu mà rủ người ta theo cho dòng hay không? Nhưng người xu phải tầm chỗ thanh tịnh mà ngồi, thì đạo trong mình mới phát sanh ra, cho nên nói đạo là nghỉ

tịnh, hể tịnh mới thấy đạo, chớ đạo ở đâu một lần qui tới năm sáu chục người đổ cầu vui chớ trông gì thành Phật. Hãy nghe bài kệ đây :

*Đốc tới Bồ-Đề trước khổ tâm,
Ngàn dặm xa xuôi khó cũng tâm,
Xuống biển kiếm vàng nào sợ nhọc,
Lên non hái thuốc dưỡng đạo tâm.*

Lục Tổ kệ rồi, có người ở đất Tin Châu tên Trí Thường nghe đồn Lục Tổ dạy đạo đến mà học, khi vào ra mắt ngài nhằm lúc ngài đang thuyết pháp. Lục Tổ kêu tứ chúng mà nói : «Nầy chư vị có biết làm sao, trong tam giáo xưa nay đều lập cửa đạo dạy cho người đặng học làm Thánh, làm Tiên, sao mà không thấy một người thành, chư vị biết không? Như đạo Không Tử nói : «Nhơn Nhơn Khả Dĩ Thánh Hiền»; đạo Thích nói : Phật Giữ Chúng Sanh Đồng»; đạo Lão nói : «Tiên Nhơn Đồng Nhứt Thễ»; Đò Tam giáo nói người đều đặng làm Phật, làm Tiên, nhưng mình đây muốn làm Phật, Thánh, Tiên phải tâm sự học đạo, học cho đủ tam thừa rồi ngồi tu cho đến tới thượng như thừa mới đặng làm Phật. Ấy lời Phật nói như vậy, nhưng mà mình cũng có tâm sự học đạo thật, có học lếu lảo năm ba con số mà ông thầy chưa phân thễ, rồi mau trở về làm thầy đạo thành ra : «Manh Dẫn Quần Manh» là thầy đui dẫn học trò mù, làm chi thành Phật cho đặng! cũng có thành là thành một đám lạc đường chớ thành con người cũng không đặng nữa. Muốn thành con người trở lại phải sửa tâm tánh cho biết quán, sư, phụ; giữ cho trọn bốn phạm

làm người thì mới đáng làm người bằng không không biết vua, thầy, cha, thời thành ra loài súc vật, làm người sao đáng ? Đó là hạng làm người, còn hạng làm Tiên làm Phật khó lắm. Tứ chúng biết Phật, Thánh, Tiên ra thế nào chưa ? Hạng người muốn làm Thánh làm Tiên trước phải làm người cho tròn bổn phận rồi mới bước đến cửa Phật nhà Tiên ; người ấy phải có đức hạnh đầy đủ lại thêm từ bi bác ái không sót một điều nào, mới đáng làm Phật, làm Thánh, làm Tiên, chớ có đâu dễ. tưởng đâu những hạng bội quân, phản thầy thành Phật đáng hay sao mà ức, làm người không rồi thành Phật sao đáng ? Hãy nghe bài kệ này :

Thánh, Phạm, Tiên, Phật, chẳng khác nào,

Tâm tánh hiền lành bước đến mau ;

Nửa tiếng bội sư cùng phản đạo,

Ngàn năm như cá ở trong ao.

Tăng Trí Thường nghe kệ rồi bèn ra mắt Tôn Sư, xin ngài mở lòng từ bi dạy đệ tử câu : «Phật Thuyết Tam Thừa, Hữu Ngón Tối Thượng Thừa» đệ tử chưa hiểu nghĩa.

Lục Tổ nói : «Pháp Vô Tứ Thừa, Nhơn Tâm Hữu Sai Đẳng», nghĩa là phép không có bốn thừa vì tại lòng người hay dời đổi không chừng, phải phân làm bốn thừa đẳng chọn tâm chi người, nếu không vậy thượng hạ nan phân, biết đâu là cao thấp, ý là Phật ngài biết trước phân làm bốn thừa như vậy mà còn tranh luận hơn thua ; còn

phải để một thừa thì ai làm thầy ai dạy ? Ấy đã phân ra bốn thừa mà còn chưa biết mình là ai, lại cũng chưa biết mình là đủ hay thiếu. Nay Trí Thường, để ta giải nghĩa tứ thừa cho mà nghe. «Kiến Văn Chuyển Tụng Thị Tiểu Thừa» nghĩa là : Thấy chữ mà tụng ấy bực tiểu thừa. Bực này chưa có vào cửa pháp môn, chưa có dính vào trong con đường đạo chút nào ; nếu có làm cho trọn lành, trọn phải thì bất quá : «Chuyển Thế Nhi Hưởng Hồng Phước», Đó mà thôi. «Ngộ Pháp Giải Nghĩa Thị Trung Thừa», còn biết chữ mà giải nghĩa kinh giải nghĩa sách ấy là bực trung thừa. Bực này để giải cho người dễ học dễ biết lời kinh lời sách nói, chớ cửa pháp môn cũng chưa vào đặng. Nếu có làm lành thời cũng đặng chuyển thế nhi hưởng hồng phước mà thôi «Y Pháp Tu Hành, Thị Đại Thừa», nương phép tu hành, bực này là bực đại thừa. Nếu đặng cái chánh pháp lo công phu đầy đủ, luyện thân luyện hình cho đặng thì mới vào bực tối thượng nhưt thừa, mới thành Tiên thành Phật. Không vậy còn làm bực đại thừa, mà không luyện thân, luyện hình bất quá làm thanh linh thiện hóa chi quỉ, sánh bực Tiên Phật thì còn xa lắm. «Vạn Pháp Tán Thông Nhưt Thiết Bất Nhiệm, Ly Chữ Tướng Pháp, Nhưt Vô Sở Đặc Danh Vi Tối Thượng Thừa», nghĩa là : muôn pháp đều thông cả thầy, các việc không nhiệm là

dạng các tướng (thịnh âm sắc tướng) đó là bậc tối thượng nhất thừa. Bực này là bực Phật không còn luân hồi nữa. Trong Kỳ Tế kinh có câu: «Cổ Học Tiên Phật Chi Lưu, Nhược Độc Dĩ Luyện Hình Vi Diệu, Bất Tri Luyện Thần Vi Yếu, Sở Vội Thanh Linh Thiện Hóa Chi Quỷ, Hà Khả Giữ Cao Tiên Cao Phật Tỹ Chi», nghĩa là: người muốn học làm Tiên làm Phật trước hết phải luyện thần và hình đó là căn bản của nhà Phật; nếu thần hình không luyện, dầu có cần tu đi nữa cũng làm bực thanh linh thiện hóa chi quỷ, sánh với bực Phật Tiên thì còn xa lắm. Phàm người tu hành phải học kinh sách cho biết đó thôi, rồi phải công phu luyện kỹ, luyện cho xuất thần, làm cho thần ra ngoài mình nghĩa là xuất định, nhập định, phải làm cho thần ngoại hữu thân. Chỗ đó là Phật, chẳng phải tụng kinh gải nghĩa thành Phật dạng dầu. Phải để như vậy Phật mới thiếu gì. Phàm người tu hành phải biết chữ tu, mà tu cũng thành Phật được. Hãy nghe bài kệ đây:

Giữ tu rèn tập luyện nên hình,

Phải ăn non cao dưỡng tánh tình,

Muốnặng vàng ròng lẫn đáy biển,

Hà cần phép báu với phù linh.

Lục Tồ lại nói: «Đó là tối thượng nhất thừa, ta đã giải nghĩa như vậy. Người tu hành chẳng phải vì ba bực đó mới thành Phật, thành là tại tâm chỉ chẳng phải tại bực tam thừa đó mà tranh luận. Người mà tâm chỉ không có, dầu có học hai chục thừa cũng không ích gì».

Lục Tồ nói đến đây rồi bãi từ chúng trở lại hậu đường mà nghỉ.

Đây nói về nhà Đường, hiệu Thần Long ngươn niên, chánh ngoạt thập ngũ nhựt Võ tặc Thiên Hoàng Đế truyền chỉ cho thỉnh Huệ Năng, Thần Tứ nhị vị thiền sư vào đến cung đường thuyết pháp. Khi Thần Tú dâng chiếu liên cáo bịnh không đi lại chỉ sứ bảo : « Qua rước Huệ Năng ở phía Nam ; người này dâng lời bí pháp và dâng y bát của Ngũ Tổ truyền, người hãy qua đó mà rước ». Thuyết Giảng thấy Thần Tú không kưng đi nên trở qua chùa Bửu Lâm Tự ra mắt Lục Tồ Ngài thấy chiếu cũng cáo bịnh không đi, và làm sớ hồi trào xin vua cho phép trốn đời ở chốn lợc lâm mà tu hành. Thuyết Giảng nói : « Tôi trộm nghe mấy vị thiền sư nói : « Đức Đắc Hội Đạo Tật Tu Tọa Thiền Tập Định, Nhược Bất Nhơn Tọa Thiền Tập Định. Nhi Đắc Giải Thoát Giả, Vội Chi Hữu Giả ? Nghĩa là : Hễ người tu muốn cho hội đạo, phải tập tọa thiền nhập định mà cầu cho giải thoát, chưa chun có vậy phải không, xin Tôn Sư dạy bảo ? » Lục Tồ nói : « Đạo Do Tâm Ngộ, Khởi Tại Tham Thiền », đạo là tại tâm ngộ hà tại tham thiền hay sao ? Nếu muốn tham thiền thì trước phải ngộ đạo và dâng lời tương truyền rồi ngồi tham thiền mới được, bằng không ngộ đạo mà ngồi tham thiền thì ngồi ngũ gục mà chơi cho mỗi cò mỗi lưng chớ có ích gì, Có câu ; « Đạo Tại Kỳ Bất Cầu Tha Đắc »,

nghĩa là: Đạo tại trong mình của mình chẳng phải ở đâu mà đi kiếm; phạm người tu phải tập tham thiền nhập định, trong đó có bốn bậc: Hành, Trụ, Tọa, Ngọa, cho đủ phép: Đi, Đứng, Nằm, Ngồi. Phép tu thì không có giờ khắc nào lìa đạo, nên có câu: «Niệm Niệm Vô Đan», đó là tu chẳng phải tọa thiền mới hội đạo, còn mấy giờ không tọa thiền thì để cái tâm làm chi mà không hội đạo? Người nghe trong kinh Kim Cang có câu: «Nhược Ngôn Như Lai, Nhược tọa Nhược Ngọa» lời nói đức Như Lai bằng ngồi thiền, nằm thiền lại nói vô sanh vô diệt. Thì Như Lai Thanh Tịnh Thiền, Chư Pháp Vô Tịch, Thì Như Lai Thanh Tịnh Tọa». Đó là tọa thiền tập định, chỗ đó là đầu bại, chỗ làm Phật làm Tiên. Chử tọa thiền là thanh tịnh tọa, thanh tịnh thiền, như đức Như Lai mới gọi là tọa thiền, tập định chứ thiền định ở đầu giữa ngoài thiền ba mà gọi là định; định cái gì mà bày đặt cho mang tiếng ông Phật. Đó là tà định; cái mặt làm bộ định, cái miệng nói định, còn cái tâm nó đánh đùng đùng mà định sao được».

Tuyết Giảng nghe Lục Tổ nói một hồi lại bạch rằng: «Đệ tử đến rước Tôn Sư, nay Tôn Sư không đi, đệ tử phải trở về trào, nếu Linh Muôn Năm có hỏi đệ tử chẳng biết lấy chi mà dạy trong cung và thuyết pháp cho Hoàng Đế nghe. Xin Tôn Sư dạy đệ tử học đạo, cũng như Tôn Sư cho đệ tử một cây đèn đem về đốt ra đăng muôn ngàn cây, thì sáng biết là đường nào.»

Lục Tổ nói : «Đạo Vô Minh Ám, đạo mà sáng tối gì !»

Tuyết Giảng lại hỏi : «Bạch Tôn Sư, đệ tử có thấy mỗi đơn kinh đều có nói muốn tu thành Phật thì dễ lắm, mà tại làm sao xưa nay những người tu hành thì nhiều mà không thấy một ai thành Phật ? Nói như vậy có đáng tin kinh sách hay không ?»

Lục Tổ nói : «Tu làm sao mà dễ, lấy cái gì làm tin?»

Tuyết Giảng thưa rằng : «Trong Quy Ngươn có câu : «Nhứt Củ Di Đà Vô Biệt Niệm. Bất Lao Đàng Chi Đáo Tây Phương». Đó nói như vậy mà không dễ còn chỗ nào dễ hơn ? Như vậy hễ người tu niệm một câu Nam Mô A Di Đà chẳng nhọc khải móng tay cũng về đến Tây Phương, vì làm sao tôi thấy nhiều người niệm Nam Mô A Di Đà Phật đến chết mà thôi, không thấy ai đi về Tây Phương một lần coi thử ? Trong kinh nói như vậy đáng tin hay không ?»

Lục Tổ nói : «Người dốt quá. «Thánh Ý U Thâm Phàm Tâm Nan Trắc», nghĩa là : Ý của ông thánh cao xa, bậc phàm tâm lường sao được. Nay Tuyết Giảng người không có biết người đời chấp mê lắm, vì hễ biết ba chữ tụng kinh đọc sách thì chấp kinh chấp sách, nghe nói thì tin, không xét phải quấy ; hễ nghe nói dễ xum nhau đi niệm, không biết chữ niệm là gì cũng làm bướng, cứ niệm Nam Mô Phật, Nam Mô

Phật, niệm như vậy có ích gì không ? Thiết dốt quá vậy mà xưng là vương sử, có qui sử thì phải, chớ vương sử đâu mà dốt như vậy. Nầy Tuyết Giang, câu : nhứt cú Di Đà không phải câu Nam Mô A Di Đà đâu. Câu đó là khi ông Di Đà thành Phật rồi, nên mới có câu Nam Mô A Di Đà Phật. Nếu mình muốn niệm câu đó, phải biết ông Di Đà là ai ? Ông cũng là phàm tục như mình, rồi ông làm sao thành Phật, là vì ông ngộ thấy đời : sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, rồi luàn hồi cũng khổ, vì vậy nên ông lánh mình đi tu cho khỏi tử khổ. Đó là Đức Di Đà mới ra đi tuặng tránh sự chết, dặng cho bất sanh, bất diệt ; còn thầy tu đời nay, tu thì trông cho mau chết, vậy thì khác hẳn với ông Phật, tu mà không cầu cho giải thoát thì tu cái gì ? Nầy Tuyết Giang, người muốn tu mà dặng thành Phật như ông A-Di-Đà, sống cho dặng vô lượng thọ, thì phải tu theo cách của ngài. (Chỗ này đọc giả thấy không ? Ông A Di Đà sống vô lượng thọ, đó là bất tử, để đọc giả nghe nói tu không chết rồi cho rằng không có, vậy chớ chữ bất sanh bất diệt là gì ? Tu mà không biết chữ bất sanh bất diệt thì đừng tu, hề nghe nói tu không chết thì đọc giả không đủ tin, coi như ông Phật A Di Đà do sức ngài sống là bao nhiêu ? Đọc sách mà không biết nghĩa, hề không tu thì thôi, còn tu lại hỏi cho mau chết dặng thành ma, chớ làm gì thành Phật. Đọc giả thấy xưa nay có dám mạ ông Phật hay không ?

Đâu có ! Có là có đám ma Hòa Thượng thì tức nhiên Hòa hương thành ma rồi, như vậy thì khác hẳn với ông Phật. Học giả thấy ông Phật chết không Ngài có chết là chết cái sắc thân của ngài, vì ngài đã có luyến sẵn một cái Kim thân, ngài làm thân ngoại hữu thân, khi đến ngày có đơn thư lai triệu thì ngài bỏ cái sắc thân : ngài biết trước được đời ba tháng, ngày mấy, giờ mấy, ngài sẽ tịch diệt. Đến giờ ngài tịch diệt thì hào quang chiếu sáng khắp trời mây lành muôn đạo. Ngày tịch diệt của ngài đều khác hẳn với người phàm tục, như vậy mới là thành Phật, đó gọi là bất diệt bất sanh). Tu làm sao đau rước thầy uống thuốc, uống đến tắt hơi mà chết không trở được một tiếng, rồi cũng nói vãng sanh thiệt là chấp mê quá. Bây giờ đây ai muốn tu cho thành Phật như ông A Di Đà thì phải biết cần hỏi ông mới đi tu, ông niệm làm sao mà thành Phật, thì phải niệm cho trúng câu ông niệm đó, chẳng nhọc khải móng tay cũng về tới Tây Phương. Lời kinh sách nói kỹ như vậy, cũng vì cái bệnh cố chấp của người, không cần tầm minh sư mà học hỏi, ý mình biết coi sách làm bưng giải đũa, rồi trở lại mà chê sách không nhâm, chẳng ngờ sách nói một nơi mình làm một ngã, hiểu nhầm sao đặng? Còn câu : « Vô Biệt Niệm », chữ *vô biệt* là ngày đêm không phút giờ khắc nào cũng không lìa, chẳng nhọc khải móng tay cũng về đến Tây Phương. Còn niệm Nam Mô A Di Đà Phật, câu này là đức A Di Đà

đã thành Phật rồi, khi ngài đắc đạo tính trở lại
phổ độ chúng sanh : lúc ngài thuyết pháp nơi kinh
thì ngài nói những việc di vãng đời lai hay lắm ;
vì ngài đã đăng lục thông, ngài nói đầu thì có đó,
nên thiên hạ đồn nói ông A Di Đà đã thành Phật
người người đều đến, kẻ thì xin qui y, người lại
xin học đạo, vì vậy mới có tiếng Nam Mô Phật.
Tiếng ấy là của Tây Vực, Tàu giải nghĩa là qui
y. «Phật» là tiếng Tây Vực. Tàu giải nghĩa là
«Thành như». Mới có câu Nam Mô A Di Đà
Phật, là tôi qui y với ông A Di Đà. Nay mình nói
lại như vậy có ích cho mình chút nào không ? Lại
bày đặt nói niệm câu Nam Mô A Di Đà Phật chẳng
nhọc khải móng tay cũng về Tây Phương, niệm
cho đến chết thì về dưới đất, chớ Tây Phương đâu
mà về ! Lầm tin quá, lầm nghe quá ! Miệng nói
mà lỗ tai đâu không nghe, con mắt đâu không
nhìn, phải thiết có như vậy thời chín mười sáu
ức chơn linh đâu còn lẫn lộn cõi diêm phù
này ! Thiết là mê. Hãy nghe bài kệ đây :

Học lẫn hai chữ Giác cùng Mê,

Tỉnh giác rồi mau dựng trò về ;

Ngàn kiếp luân hồi vì cố chấp,

Muôn năm lặn hụp chốn biên mê,

Tuyết Giảng lại bạch rằng : «Xin Sư phụ từ bi
dạy đệ tử một câu lục tự Di Đà ; đệ tử về trao dạy
trong cung tu hành, nếu đăng giải thoát, thì ơn
Tôn Sư con không dám quên».

Lục Tổ nghe nói vậy cũng thương mà dạy : «Này Tuyết Giảng, đạo chẳng dễ, ta dạy cho ngươi về lo tu hành. Vậy hãy ngồi lại gần đây, tu thì phải niệm như vậy... như vậy... đó biết chưa ? Ngồi kiết già tay phải bắt ấn tam muội rồi phải niệm. Đức A Di Đà nhớ sáu chữ này mà thành phật ; phải nhớ cho kỹ đã : ngồi một phút đến hai chục phút, khi muốn nghỉ phải làm ngoại độn như vậy : hai tay ôm cái đầu, cắn răng nín hơi day qua day lại một hồi rồi nghỉ. Đó là thương bộ. Đến trung bộ, hai tay ngay ra trước mặt quơ qua quơ lại rồi nghỉ. Đến hạ bộ, Hai tay chống đầu gối quơ qua quơ lại như đồng lên, làm như vậy rồi nghỉ. Đứng dậy đi cho đặng một trăm bước trở lại nằm nghỉ. Đó tu như vậy, trong ngoài đều có tu, nó mới không đau già. Nếu ăn chay mà không biết hành đạo, thì nước da phải vàng như người chanh nước. Này Tuyết Giảng, trong Đạo Đức Kinh có nói : «Đạo tuy Tuy Hoằng, Phi Kỳ Thời Bất Giáo, Đạo Tuy Hoằng, Phi Kỳ Nhơn Bất Truyền», nghĩa là : Đạo tuy hoằng khai rồi nhưng mà chưa đến thời kỳ chẳng dạy ; đạo tuy hoằng khai rồi, chẳng phải người chẳng truyền. Nay ta truyền cho ngươi, phải nhớ mà niệm y như vậy thì tâm đặng nó phát hiện ; chớ niệm ngoài miệng, ngoài môi dầu có niệm muôn năm cũng không ích, hiểu rành chưa ? Ví dụ : Bây giờ đây mình cầm cây sắt mà mài trên cục đá, trong tâm mình tưởng : «ôi mài cây sắt này cho thành một cây kim», tưởng như vậy

chịu khó ngồi mài, không bao lâu sẽ thành ra một cây kim mà dùng. Bằng không tin lời ta nói, phải thử như vậy thôi biết, mình cũng lấy một khúc sắt đem về để trên bàn đốt nhau mà lạy, rồi qui xuống đó niệm Nam Mô A Di Đà Phật. niệm thử một muòn năm coi khúc sắt đó thành cây kim hay không? Nền trong Kinh Thư có câu: «Năng Thuyết Bất Hành, Bất Như Bất Thuyết», nghĩa là: hay nói mà chẳng làm, chỉ bằng chẳng nói. Nói mà chẳng làm, dầu có nói muòn năm cũng không rồi việc. Thôi hãy nghe bài kệ đây:

*Tay cầm đuốc huệ dám dẫu phô,
Cuộc thử quen rồi chữ Nam Mô;
Nếu có lời vàng xin giải quyết,
Ngạt mình lánh tục dám nào phô.*

Tuyết Giảng qui lạy xin trở về trào phục chỉ.

Đây nói về Tuyết Giảng trở lại trào ca vào ra mắt Võ Tắc Thiên.

Võ Hậu nói: «Người đi rước Huệ Năng sao lâu như vậy?»

Tuyết Giảng qui lạy, tâu các việc cho Võ Tắc Thiên nghe. Võ tặc Thiên cả mừng, mới truyền chỉ cho người đem dâng cho Lục Tổ một cái áo ca sa và một cái mâm bằng thủy tinh, và sai quan Ngự Sử đến sửa chùa Bửu Lâm lại. Rồi sai người đến đất Tân Châu lập một cảnh chùa đặt tên là Quốc Ân Tự.

Lúc này Lục Tổ kêu hết các đệ tử đến mà dặn rằng : «Này Pháp Đạt, Pháp Hải, Trí Thường / Từ ta tịch diệt đến sau các người phải giữ phép tu hành, nếu có người nào đến hỏi và học đạo, các người có thuyết pháp chẳng nên lìa bồn tánh ; «Bất Ly Bồn Tòng», chẳng nên chế tạo thêm bớt mà làm mất cái tôn giáo nhà Phật đi. Hễ làm như vậy thì không có nên. Có câu : «Nhứt Thuyết Chư Pháp, Bất Ly Tự Tánh», dầu có thuyết các pháp cũng không nên lìa bồn tánh của mình».

Lúc này Lục Tổ tính trở về Tân Châu, nhằm hiệu vua Viên Hòa năm Nhâm Tý, tháng bảy, ngài dạy các học trò xây tháp tại chùa Quốc Ân. Đến tháng bảy năm Quý Sửu, hội tứ chúng dâng thương nghị Lục Tổ nói : «Từ đây đến tháng mười một ta sẽ lìa khỏi chốn thế gian, vậy hãy nghe bài kệ này :

Từ cách Thiên Đường xuống cõi trần,

Mấy phen tại nạn chẳng rời thân ;

Nay phải trở về nơi Cực Lạc,

Một phút chia phôi chẳng dặng gàn.

Lục Tổ kệ rồi lại nói : «Các người còn hồ nghi chỗ nào phải hỏi dặng ta chỉ lại cho, để khi ta tịch diệt rồi sau không người dạy dỗ».

Pháp Hải và các vị môn đồ nghe vậy đều khóc, duy có Thần Hội cái thân tình không động nên không khóc.

Lục Tổ nói : «Thần Hối là người đủ hạnh như vậy mới gọi tu ; phàm người tu hana chê khen đừng động, thương vui chẳng sanh, như vậy mới phải. Vậy mấy người ở chùa mấy năm mà tu cái gì ở đâu ? Tu mà còn khóc, còn bi lụy, vậy chớ chữ cát ái là nghĩa gì ? Người tu hành phải bỏ chữ bi hoan, ưu khủng, mới gọi là người tu ; tu làm sao mà nước mắt khóc, vậy mà tu cái gì ? Các người không nay có ông Phật nào biết khóc hay không khóc đó là chúng sanh. Phàm người tu hết phải học chữ cát ái, là cắt bỏ cái thương ; ly gia là lìa nhà ; hễ mình lìa nhà thành ra nhà không chủ, không ai sửa soạn, nó phải hư nay mình lại trở về cái nhà nó đã hư rồi, về mà làm gì ; về ngó thấy như vậy thì động lòng, hễ động lòng rồi tu sao đặng ? Thiệt tu hành không biết chữ ly gia cát ái mà cùng đi tu, tu hồi cho trun chết chớ tu cái gì !

Lục Tổ kêu từ chúng và các vị môn đồ mà nói : «Các người theo ta hơn bốn chục năm, kể qui y người học đạo, các người trông nhờ ta diu dắt thì ý của các người muốn cho ta thanh chánh giác đặng độ các người khỏi biển trầm luân, nay các người có biết ta từ đây, rồi về đâu hay không ? Nay là ngày mùng một, tháng bảy năm Quý Sửu, ta biết ta đến tháng mười một sẽ tịch diệt. Khi ta tịch diệt rồi tới sáu năm sau sẽ có người đến cắt

đầu ta, ấy là ngày ta trở về quê xưa, mà các người không mừng sao lại khóc? Phải chi ta là thầy của các người, đến lúc thác mà không biết ngày vãn sanh, các người khóc cũng phải, hễ khóc rồi mau đi tìm đường khác mà đi cho đừng giải thoát mới là phải, có lẽ đầu chấp mề như vậy? Thầy mình đã không biết ngày vãn sanh mà mình bo bo nào khóc nào để tang. Bây giờ khóc để tang cho thầy mình không bao đây sẽ gặp quỷ vô thương, chừng đó ai khóc cho mình và để tang cho mình? Thiệt cố chấp quá. Còn ta đây biết ngày vãn sanh, ấy là ta liễu đạo, vậy các người đáng vui đáng mừng, chớ các người khóc làm chi!

Thôi hãy nghe bài kệ đây:

*Phủi rồi cái khò mấy chục năm,
Từ đây bay qua khỏi biên trầm (1);
Nửa khắc lên thuyền vào Bì ngạn,
Muôn đời tự tại chốn Lô Âm.*

Lục Tổ nói: «Từ ta tịch diệt rồi, các người không dựng cho người diếu tang tế lễ và bi lụy; nếu có làm như vậy thì các người không phải đệ tử của ta. Phàm người tu hành «Đi Kỳ Tâm Tàng Chi Nhi Di», hễ người tu muốn để tang và tế lễ thì lấy cái tâm mà để tang mới phải. Thôi từ ta tịch diệt đến sau các người không dựng trái lời. Vậy hãy nghe bài kệ đây:

(1) *Biên trầm*: Biên trầm luân.

*Thôi rồi một phút cách từ đây,
Xa nghe tiếng hạc ó vang vầy ;
Các người tua khá gìn đạo cả,
Bây giờ phải chịu cách nhau đây.*

Lục Tồ kệ rồi ngài tọa thiền, ngồi đến canh ba,
ngài ngâm bài kệ mà về Tây Phương.

KỆ RẰNG :

*Thỉnh thoảng mùi hương chất ngất nhà,
Im lìm hơi thở chẳng vào ra ;
Mống trắng phủ che cây lá bạc,
Màu vàng lổ xổ rất huy nga,
Cầm thú bốn bề la inh ỏi,
Quan dân tám phía khóc chan hòa ;
Sáu năm đầu phải vẽ tay khách,
Ba bữa hào quang chiếu sáng lò.*

Khi ngài kệ rồi thì cái sắc thân biến vào trong
tháp hào quang chiếu sáng khắp trời, tiếng hạc
bay kêu dậy đất, hơi thơm ngào ngạt, cầm thú
kêu la, quan dân than thở, bốn phương tám hướng
đều đến cúng dường, người người đồng kính phục.
Ngài hưởng thọ được 76 tuổi.

Người viết sách có tặng cho Lục Tồ bài kệ như vậy :

*Trời êm mây án tối vùng sao,
Cõi Phật mười phương dễ biết nào ;
Ý muốn tiêu điều cho tự tại,
Công phu luyện kỹ đăng ngôi cao ;*

*Hết sức ra tay điu tứ chúng,
Khai bờ tháo nước thả cá ao ;
Bôn chục năm dư quên khó nhọc,
Ngàn thu tự toại biết là bao !*

Tác gia nói: «Đó, tu như Lục Tổ đến ngày đắc đạo trở về điu dắt chúng sanh, tu như vậy mới là qui. Từ ngày Lục Tổ ra dạy đạo thì những người đắc đạo siêu phàm bất kể kỳ số, người mà liễu đạo không biết bao nhiêu; vì vậy mới đặt tên chùa là Bửu Lâm Tự. Tu mà siêu phàm thành Phật như vậy mới đáng tu, chớ tu bỏ thể sự mà tu cho thành ông thầy thì cũng không nên tu làm gì. Đọc giả coi quyển sách này xin phải nhìn những lời nói, chỗ nào phải thì dùng nghe chớ còn không phải thì thôi, nếu có chỗ phải nghe cũng chẳng nên tin. Việc tu hành khó lắm, nếu muốn tin phải quan sát cho kỹ, cái tin đó có khi nó làm cho mình phải trễ nãi ngày giờ, thành ra đầu không tới đầu, như vậy vô ích lắm. Tôi đây là Cao Minh Thiên Sư, người viết quyển sách này: đọc giả phải biết chẳng phải tôi muốn cầu danh dục lợi chi chi, thật là không có, nhưng tôi có biết tu hành chút ít; vì thấy thời kỳ này người tu hành thời nhiều, như một nhà mà đi không biết mấy con đường rồi đi đường nào đầu cũng không tới đầu, vậy thì thất công quá.

Này đọc giả, đời đa đoan lắm, trong cái tu đó cũng có cái không tu, trong cái đạo cũng có cái

không đạo; bị như vậy kẻ phước đức thì ít, người giả dối thì nhiều, người sang giàu thì ít, kẻ nghèo khó lại nhiều. Đọc giả hi-t không? Đó là tại cái tin nó hay tin hay muốn, vì tại cái tin việc gì không nên việc gì, ít ngày rồi bỏ. Còn cái muốn thì muốn một hồi đầu không tới đầu rồi cũng bỏ, thành ra trễ nải ngày giờ, Phật không thành mà Tiên cũng không thành, lại thành ra một người thất nghiệp, mang nghèo mang khó. Tu làm sao người ta tụng kinh không thành Phật còn mình tụng kinh mà tại gì thành Phật được? Bộ ông Phật ông thương mình lắm hay sao? Đó, xin đọc giả phải xét và nghĩ cho kỹ.

Tôi đây là người xuất gia, lẽ phải tìm chỗ không người lo trau dồi bổn tánh, chớ lý nào dám «Ban Môn Lộng Phũ» như vậy; nhưng thời kỳ này tôi có dạy một hai người, buộc tôi phải viết quyển sách này để cho môn đồ tôi coi theo đây mà học.

Xin đọc giả có đọc sách này thì phải chăm rãi chú ý mà đọc đọc dò ba lần cho kỹ rồi xét xem cái chơn giả thời nó mới hiện ra ngoài cho ngó thấy; chớ đọc mau quá nghe không kịp, thì sách nào cũng như sách nầy, không biết đâu là giả đâu là thiệt.

Xin hãy nghe bài kệ này:

Kêu lớn tiếng vang khắp dãy trời,

Nói nhỏ hôm nay đạo ra đời :

Muốn biết giả chơn nghe cho kỹ,

Đọc mau sợ tỉnh chẳng kịp lời.

THÍCH-GIA CHƠN GIẢI CHUNG

NAM-MÔ TAM-GIỚI CÔNG ĐỒNG
PHỔ-ĐỘ CHÚNG-SANH A-DI-ĐÀ PHẬT

Lời nói của người tái bản bộ kinh của

ĐỨC LỤC-TỒ HUỆ-NANG,

RAO NAM HỒ BẮC

Nhìn Võ trụ cần khôn mang mác,

Xem tình đời chua chát tâm can,

Buồn lòng than thở, thở than,

Gẫm trong sanh chúng trăm đấng gian lao,

Mạnh hiếp yếu, luận nào luân lý,

Giàu phụ khó, quyền thế dần hèn,

Đớn đau lắm nỗi màn đen,

U minh che khuất bóng đèn than ôi!

Đừng làm người, thọ ân xã hội,

Lẽ nào đành gây tội một sâu.

Ước rằng khắp khắp đầu đầu

Người trong một giống chung đau thương nhau

Bao đánh ruột, ruột nào cắt ruột

Nỡ nào tay, tay lại cắt tay

Nguyên trong Nam Việt gái trai

Da vàng máu đỏ thảo ngay một lòng.

Suy cho kỹ tầm ra Công Lý

Xét cho cùng mở trí chơn minh.

Thương người như thể thương mình,

Gặp ai lâm nạn đem tình giúp nhau,

Tranh danh lợi, đoạt giành tài sản,

Gây ra nhiều ác cảm Vô nhân,

Suy xa rồi lại xét gần

Hưởng không trăm tuổi hư thân danh hèn

Gây tội ác, vay nhiều nợ thế,

Chuyển linh hồn nhiều kiếp đọa luân ;

Say mê một giấc vui mừng,

Thương thay một tấc linh hồn nát tan

Sao cho bằng tâm nơi giải thoát.

Đem tâm thân đền đáp tứ ân,

Mong cầu khắp cả lê dân,

Hiệp hòa an lạc vui cầu huy hoàng.

Đức Lục Tổ Huệ Năng giáo pháp,

Thọ chơn truyền chánh lý công phu ;

Cả kêu khắp hạn người tu,

Học theo sửa tánh kẻ lu quá rồi !

Theo Lục Tổ chờ theo Thần Tú,

Bày mớ chuông khuyến dụ người mê.

Lạc đàng chẳng thấy nhà về,

Mãi lo tung niệm hương què nghiêng nghèo,

Cọp, beo, gấu, mãng xà, sư tử ;

Quỉ tính ma với cốt người ta,

Đồng nhau niệm Phật Di Đà
Quý về đầu Phật với là lạt chay !
Siền với Triệt, Giáo nào cũng Phật
Ngắt nữa chừng gặp thịt mè ăn
Tu mà chẳng giữ Đạo tâm
Ý hay tư tưởng bạc vàng lợi danh
THÂN thì muốn vinh quang sung sướng
MIỆNG thì ham ngon béo ngọt ngon.
Thôi thôi ! Đạo Pháp không tròn
Cốt nào hườn nấy, héo von lòng nấy.
Hễ thiệt người thì biết thương người
Ấy Nhơn Đạo trong đời người ta
Gải thời tứ đức tam tòng,
Trai thời phải trọn ngũ thường tam cương,
Dùng thiền định Ma ha rửa tục,
Dứt lưc trần tưởng Phật luyện Tâm.
Di Đà lục tự thâm thâm
Khai ra Tri Huệ lần lần về quê
Tu diệt bỏ đi đoan ích kỷ
Tu phải tầm Chơn lý cao siêu.
Hạ ngươn tu BẠC thì nhiều
Tu THỦ tu OÁN bao nhiêu cho cùng,
Tu Công đức lợi dân ích nước,
Tu phải tạo nhiều phước ban ra.
Hạ ngươn tu QUÍ tu MA
Hóa CỬ nó dạy người ta khổ rồi.

Tu chơn thật là tu theo Phật,

Tu minh chánh là thật Đạo tâm ;

Hạ ngươn tu gạt lê dân,

Bán Thầy, bán Tổ, bán luôn Thánh Thần.

Tu Tâm tánh thiện lương lẽ nghĩa,

Tu hoàn toàn mới thiệt là tu ;

Hạ ngươn huren cốt SẤU CỬ,

Bán kinh, bán Đạo rằng tu phải rồi.

Thương ôi hỡi ! miệng người thua CQP.

Hỡi thương ôi ! THẤP khó với CAO.

Canh khuya trắng khuyết lão lão,

Lụy rơi mũi hỉ tay lau đoạn trường,

Diễn khai bút, khuyên trong sanh chúng,

Ráng noi theo Lục Tổ Huệ Năng,

Mai sau giải thoát nhẹ nhàng

Không còn luân chuyển Thiên đàng rước lên.

Viết đến đây, mặc tình tra ghét,

Trời giọng rao, Tiên Cảnh Bồng Lai,

Vuốt râu quặt mắt nghĩ tay,

Nhìn xem nước xoáy than dài ai bi.

«Huệ Minh Kinh», chánh pháp Đạo Phật,

Học cho thông sửa tánh tu hành

Thời thời cầu nguyện dân lành,

Thương nhau như ruột kết thành Đạo Tâm.

Thân, Tiên, Thánh ra đời dạy dỗ

Mà không nghe thì khổ phải cam.

Thương người hiền đức không an
Phải sao chịu vậy, thở than dặng nào,
Huyền cốt đủ, **QUI** ra tro bụi
THU hết rồi người mới thanh thoi.
Nói nhiều thành thử nhiều lời;
Nếu Diên không nói thương đời biết chi.
Cũng có lắm người tu chánh thử,
Còn qui diên ẩn sĩ dung thân,
Diên chào một đứng hiền thần,
Nguyên cho gặp vận dặng gần Phật Tiên.
Khuyên Thần Tú từ đày cải sửa,
Đẹp lâu kho, xá hạt dị đoan
Khuyên trong Siển, Triệt hai dặng;
Nhấn nhau tu luyện mới an linh hồn.
Khuyên đồng bóng, bà, cô, ông, tướng,
Chớ bày nhiều heo, vịt cúng ai.
Khuyên trong bá tánh gái trai,
Si mê chi lắm, thương thay linh hồn;
Khuyên người Đạo mạnh đừng hiếp yếu,
Chớ đàn áp Tôn giáo nhỏ hèn,
Tuy rằng Giáo nhỏ mà Sen.
Coi chừng lắm lạc trắng đen đạo hờn,
Tu phải biết sớm hôm Sám Hối
Thì việc chi dầu rồi cũng suông,
Tu mà như thỏ làm tuồng;
Khi son, khi lộ nghĩ buồn biết bao.

Tu phải biết già non hai lẽ,
Non hiếp già, là kẻ thất phu,
Thương thay ! uổng kiếp công tu,
Lạt chạy theo gió, ngục tù réo tên,
Mỗi Tâm người tức là mỗi Đạo,
Đạo chánh tà, tự tạo do Tâm,
Chớ không có ở xa xăm
Mà lầm tưởng phân vân Đạo nào.
Nguyên Tam Giáo qui nguyên hườn bốn ;
Cầu Việt Nam thương giống thương nòi.
Nhấn cùng đọc giả người ôi !
Coi rồi truyền rải khắp nơi xem cùng.

NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT.

Sadee, ngày 20 tháng 11 năm Mậu Tý

(Hạ ngươn âm lịch)

QUÁCH-TẤN-HUNG (Rạch-già)

CHÍ-ĐIÊN

PHỤ THÊM

TÍNH THE VĂN

Cuộc trần thế khuyên ai hãy gần
Danh mà chi lợi lắm mà chi
Bã công danh như bọt nước có ra gì
Mùi phú quý như vẩn mây tan hiệp
Sang cho mấy cũng thì một kiếp
Giàu đến đâu cũng hưởng một đời
Cái tuổi xanh đeo đuổi kiếp con người
Thân tứ đại có lấy đâu mà làm chắc
Kia sanh tử thấy liền trước mặt
Đám cô phần đa thì thiếu niên thân
Cái thân này là cái giả thân
Nay còn đó mai đâu chắc được
Thêm nỗi bệnh nỗi già thừc phược
Sống trên đời sống được bao lâu
Mới mài xanh kể đã bạc đầu
Rồi lại đến quan khản một năm
Ôi tam khổn khi tại thiên ban đùng
Nhứt đáng vô thường vạn sự hư
Muôn việc đều mang lấy tất hơi
Hơi vừa dứt cuộc đời cũng dứt
Nào của cải vợ con tài vật
Nhắm mắt rồi nắm lấy tay không

Nghĩa tào khang có kẻ chẳng bền lòng
Đánh cái tiết dạ mong chồng khác
Bỏ con đại mặc đời hành phạt
Cái cuộc đời nghĩ thiệt buồn tình
Hết mê danh mê lợi mê tình
Toan mượn thú đà lam phong cảnh
Gầm cuộc thế vui gì ham tranh cạnh
Thêm gây tình vợ vợ với con con
Thà sớm khuya vui thú nước non
Chiều lại niệm A Di Đà Phật
Nong giải thoát tránh xong đường vật chất
Sở luân hồi yểm cự với hành vi
Ở thế gian nhiều tiếng thị phi
Về cửa Phật từ bi hỷ xả
Qua biển khổ mượn thuyền Bát Nhã
Rửa bụi trần mượn nước Ma Ha
Nguyện sau thoát khỏi chốn ta bà
Về Tịnh độ vui miền Cực Lạc

KẾT

Hay dở đâu nài viết ít câu
Khuyên đời sớm sớm khá hồi đầu
Tu là cội phúc đừng xao lãng
Danh lợi giấy oan mưa găng công

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT (ba biến)

NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

Nên học đề sửa Tâm tu hành. Giải nghĩa lục-tự

«NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT»

về phép Hườn-hồn

Chữ NAM giải nghĩa :

Trung Hiếu đầu tiên	Tứ ân làm gốc
Thảo ngay nghĩa hiệp	Lập chánh phước tà
Nam nhân chi chí	Tam tạng ngũ thường
Nữ liệt đường đường	Tam tạng Tứ Đức
Mát mẽ trong Tâm	Dưỡng thần định Trí
Ân Chúa, ân Thầy	Ân cha ân mẹ
Tròn vẹn làm người	Sạch trong trọn Đạo
Hườn hồn thứ ba	NHƠN THẦN làm chủ
Định tánh định Tâm	Quang minh lương thiện

Chữ MÔ giải nghĩa :

Dứt lia vật chất	Xa lánh lợi danh
Nhứt nguyện tu hành	Không gây ác nghiệp
Hườn nguyên phản bản	Tâm đủ ba hồn
Hiếu thông Chánh Đạo	Đoạt ly chữ tâm

Khai thông Trí Huệ
Không sanh loạn dục
Học thêm Đạo Pháp
Không mê trần tục

Nam nữ đi đồng
Giải thoát mê ly
Thệ nguyện đắc thành
Chẳng bỏ công phu

Lạ

Chữ A giải nghĩa:

Ra thân chịu cực
Tạo ra công đức
Thiền định làm chủ
Thiền căn chọn thành
Luyện ra Bửu Ngọc
Tâm sáng vô cùng

Chịu nhục với đời
Sám Hối trong Tâm
Tâm lạnh đủ đủ
Thâu tinh, khí, thần
Nhập Nè hườn cung
Không còn lần tục

Co

Chữ DI giải nghĩa:

Chữ A luyện dặng
Tiên Thiên hôn nhĩ
Thiên liêng sắc đỏ
Xuất nhập nhẹ nhàng
Không giận không hờn
Ai chưởi không chấp
Lòng rất khoan hồng

Sang đến chữ DI
Lộ ra tỏ rõ
Phát hiện điện quang
Không còn luân chuyển
Không thù không oán
Ai đánh không buồn
Tâm cao đức hạnh

Chữ ĐÀ giải nghĩa :

Sáng suốt quang minh
Truyền pháp giáo dân
Quên cả xác thịt

Hành Đạo quên ăn
Thương dân quên ngủ

PHẬT THÁNH lộ ra
Chẳng nhiễm vật chất

Chẳng biết ái ân
Dắt người về Phật

Chỉ quyết độ dân

Chẳng luận nữ nam

Rõ ràng hồn Thánh

Nam nữ chung thân

Tự Tâm phát Huệ

Độ trần thoát tục

Quên mặc y khâu

Giảng dân quên uống

Ba hồn hườn đủ

Là hồn thứ nhứt

Chẳng loạn mê tâm

Cũng không lục dục

Quên cực xác thân

Lủi gần dạy giảng

Chẳng ngại các cảnh

Chẳng nhiễm tục trần

Hồn Thánh không loạn

Chữ PHẬT giải nghĩa :

Đi đây Công Đức

Xuất hiện Kim quang

Đi tới hườn nguyên

Thoát khỏi ra ngoài

Nhập tận Niết Bàn

Phật tánh Từ bi

Lòng Phật minh mông

Chẳng phạm sát sanh

Hườn bốn qui căn

Lộ ra thân Phật

Ở trong hồn Thánh

Xệt lên lần diễn

Không hư không hoại

Phật Tâm Bác ái

Bao la trời biển

Cũng không vọng ngữ

Không chấp chúng sanh	Cũng không bỏ đời
Ở cảnh thanh thoi	Phật không ham muốn
Giáng xuống thế trần	Mang thân phạm tục
Lặn lội cùng dân	Đặng truyền Chánh Đạo
Dắt người khờ khạo	Độ tận sanh linh
Phật rất quang minh	Tùy duyên hóa độ
Vô ngại đại bi	Vùi thân cảnh tục
Cứu vớt lê dân	Chẳng bỏ sanh chúng
Lục tự Di Đà	Nêm cho thành Đạo
Nhập trong Tâm tạng	Định Tâm định tánh
	Nam Mô A Di Đà Phật

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Nền học đề sửa Tâm tu hành, Giải nghĩa lục tự

«NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT»

về pháp Phá Tà

Chữ NAM giải nghĩa:

Niệm động chơn ngôn	Chánh Tâm bình định
Chuyển tình, khí, thần,	Hóa Tam muội hỏa
Thieu sạch quỉ tà	Đốt tan lục dục.

Chữ MÔ giải nghĩa :

Chuyển trong ngũ tạng	Hóa bình tịnh thủy
Dục tắc lửa tà	Lòng không nóng giận
Lọc Tâm lược thủy	Thâu nước Ma ha
Rửa sạch lòng phàm	Không còn vọng động

Chữ A giải nghĩa :

Hườn nguyên tam hồn	Tâm ra Phật Thánh
Khai hóa Thiên nhãn	Soi tỏ thất phách
Tâm tận bốn căn	Rọi xem bảy tà
Nương dầu ẩn núp	Bao vây vòng nào
Kéo ra diệt bỏ	Phá ngục bảy ma
Cứu hồn giải thoát.....	

Chữ DI giải nghĩa :

Cá nhân thù oán	Khiêu khích thị người
Sanh ra lý sự	Nó thiệt ma SI
Ghét ganh đố kỵ	Coi rẽ chúng dân
Nó thiệt ma SÂN	Nhớ cho tỏ rõ
Thương mến tục trần	Quyến luyến vật chất
Sanh điều bất chánh	Tà dục loạn dâm
Cướp trộm tham muốn	Đoạt lợi tranh danh

Nó là ma AI
Nền hư không rõ
Cứ việc chè đùa
Chè người quên mình
Được của lòng mừng
Hóa ra trộm cướp
Lam điều bất chánh
Nóng giận tung bưng
Đánh đập quăng ném
Nó là ma NỖ
Nó là ma DỤC
Ma Dục khiến ra
Đàn ông phá gái
Giận ai giận tôi
Ma Dục giục lừa
Chẳng xét lỗi mình
Khiến xui lắm nỗi
Tả ma mất lý
Nó không chơn thật
Tối tâm si muội.
Chữ Di chơn nghĩa
Kiếp luyện chữ Đà

Phải quấy chẳng tương
Giỏi nghề xiềng zô
Tự đắc tự kiêu
Nó là ma Ổ
Vui cùng vật chất
Tranh đoạt lợi danh
Nó là ma HỈ
Rũa la mắng nhiếc
Cải cộ khích khiêu
Giết người đoạt của
Đánh người trả thù
Đàn bà loạn dâm
Ma Dục tung hoành
Ghét ai ghét đùa
Chè người quên phải
Ma Dục vô minh
Ái, Ổ, San, Si,
Vớ Hỉ, Nỗ, Dục,
Chè mất linh hồn
Thiệt quỉ vô thường
Chỉ rõ bày tả
Mài gươm chém sạch

Chữ Đà giải nghĩa:

Phóng ra Trí huệ Luyện đăng gươm linh
Chuyển đăng Tâm minh Dùng sức Đại hùng

Thâu phép Đại lực
Làm đá mài gươm
Chuyển linh linh động
Chém đầu thiêu hủy
Không còn Ái Ố
Mất hết Hỷ Nộ
Muốn dặng vườn tròn
Dùng Đại Từ Bi

Nhồi thành Bửu Ngọc
Đưa lên thiết bén
Dứt lia bảy quẻ
Phá ngục tung thành
Tuyệt hết sân si
Ma Dục không còn
Hoàn toàn chắc chắn
Trấn ngoài gát cửa.

Chữ PHẬT giải nghĩa :

Bình bình định định
Trấn cửa Vô thường
Lấp mất lợi danh
Phóng ra lẫn điểu
Rọi tan bóng tối
Không còn sanh tục

Dùng viên Bửu Ngọc
Không nhiễm vật chất
Ăn hết ái tình
Soi sáng trong Tâm
Quét bụi trần gian

Nam mô A Di Đà Phật

CHUNG

LỜI CỦA NGƯỜI TÁI BẢN

Tôi không dám cho mình tự cao, đứng ra tái bản cuốn «Thích Gia Chơn Giải» này, nhưng có nhiều anh chị em sợ lâu đời rách lạc mất hết nên mới yêu cầu tôi. Vì lẽ Phật pháp chung, nên tôi mới lãnh phần sự khó khăn này. Để đại diện liên lạc cùng đồng đạo bốn phương, góp phần đa thiếu tái bản quyển sách này.

Mà Đức Huỳnh Giáo Chủ có nói :

Ai lòng nhen hoặc chớp hay in

Mà truyền bá dặng nhiều phước đức

Vì lẽ nói trên nên việc làm của tôi không biết phải quấy ra sao, mong nhờ quý vị cao minh. Thêm phần chỉ giáo và hoan hỉ giúp cho.

Nam Mô A Di Đà Phật

Lời than của người tái bản

THI

Thích Gia Chơn Giải có từ lâu

Nay kiếm khó ra nghĩ thâm sâu

Cuốn mất tiêu rồi cam số phận

Quyển còn lơ rách chữ mờ câu

Ngời quên quên mãi không màng tưởng
Kẻ nhớ nhớ hoài chẳng bỏ đâu
Hiệp sức cùng nhau chung tái bản
Hai ngàn ấn tống đức ân sâu

TIẾNG NGỌC LỜI CHÂU

Nhứt ngôn đắc ngữ thẳng thiên kim
Rách mắt một câu khó nài tìm
Cá lội dưới sông rành nẻo cá
Chim bay trên núi biết đường chim

ĐỒNG TU

Lục tổ Huệ Năng chỉ dắt đường
Cùng nhau nổi gót rặng lo lường
Ngày qua luyện tập ai ngay nẻo
Tháng lại trao tria bước thẳng đường
Nhân loại khắp nơi hòa nghĩa nhớ
Đồng bào một nhóm hiệp tình thương
Bí truyền rõ dặng khai tâm trí
Mẫu nhiệm lạ thay khác thế thường,

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

THE HISTORY OF THE

... of the ...
... of the ...
... of the ...
... of the ...
... of the ...

... of the ...
... of the ...
... of the ...
... of the ...
... of the ...

... of the ...
... of the ...
... of the ...
... of the ...
... of the ...

... of the ...
... of the ...
... of the ...
... of the ...
... of the ...

... of the ...
... of the ...
... of the ...
... of the ...
... of the ...

... of the ...
... of the ...
... of the ...
... of the ...
... of the ...

NGƯỜI TÁI BẢN

立主心才好金来



PHẠM - VĂN - SÁU

Tự Tân Lập
chợ Cái Sắn

Ấp Thới Hòa r
Xã Thới Thuận

ANGIANG

新民道德和祿進

LỜI GIỚI THIỆU

Anh chị em nào muốn xem cho biết xin liên lạc đến địa chỉ trên, hay là ngoài cầu Rạch Gòi lớn phía trên hỏi nhà cậu CHÍN hốt thuốc nam thì có.

LỜI CẢM TẠ CHUNG

Tôi lấy làm hân hoan, biết ơn đồng đạo hảo tâm đóng góp đa thiếu, giúp cho quyển sách này, nay được duyên mãn, chẳng biết lấy chi đền đáp cho vừa chỉ có đôi lời gửi đến chúc cầu cho quý vị thanh tâm thường lạc đạo quả đắc thành như ý nguyện, sáng tỏ tấm lòng vàng của quý vị dưới đây :

PHƯƠNG DANH

1	Phạm văn Sậu	90
2	Gia đình Lê văn Hảng	2.000
3	Nguyễn Bền Vững	2.000
4	Nguyễn văn Trùng	500
5	Lê hữu Nghĩa	300
6	Chị Mười	500
7	Bà Ba	500
8	Cô Ba	200
9	Cô Ba	300
10	Cô Năm	200
11	Cô Sáu	200
12	Chị Ba	200
13	Chị Bảy	100
14	Chị Tư	100
15	Kim Thoa	100
16	Chị Chín	200
17	Chị Tư	500

18	Ông Năm	500
19	Tàn lập Cái Sắn	910
20	Chủ Út	200
21	Chủ Mười	200
22	Ba Biện	100
23	Tư Kiều	100
24	Tư Ngọ	1.000
25	Năm Tý	100
26	Ba Thạnh	200
27	Năm Nguyệt	200
28	Bảy Hoa	200
29	Cò Tám	200
30	Cò Mười	200
31	Bà Hai Cái Dầu	300
32	Cò Chín Cái Dầu	500
33	Tám Sao	500
34	Ông Năm Thầy Thuốc	200
35	Anh Hai thị Mai	100
36	Anh Tư	100
37	Thiện Hùng	400
38	Chị Ba	200
39	Anh Tư	200
40	Ông Ba	100
41	Bà Cừ	50

42	Hai Hũu chợ Cái Sắn	1.000
43	Nguyễn văn Khoái	500
44	Vợ chồng Ba Xì	500
45	Trần thị Cảnh Bà Mười	100
46	Tám hán Vải	50
47	Lê văn Trước bánh Mì	200
48	Bảy queo	20
49	Bảy Đậu Tiệm Nước	50
50	Huỳnh thị Điệp Rạch Gòi	200
51	Hồng Quan Tiệm Thuốc Tây	500
52	Năm Tầm	100
53	Trồng Răng Cái Sắn	500
54	Nguyễn tùng Sơn	500
55	Nguyễn ngọc Linh	200
56	Ba Xảo	100
57	Chín Thành	200
58	Quách Liễm Nữ Trang	100
59	Bảy Hưng	100
60	Tư Đăng	30
61	Xuân Thu Thuốc Tây	100
62	Phan thị Lượm Rau Cải	100

63	Hai Quyển Bờ Ao	200
64	Nguyễn văn Kim P.T.G.L.	100
65	Nguyễn văn Tổng Thủ Bồn	500
66	Phan thị Khoe	100
67	Trần thanh Đồng	50
68	Lưu thị Ngoạn	20
69	Lê thành Đức	100
70	Mai hữu Thọ	50
71	Lê tấn Phát	50
72	Ba Hưng	50
73	Thầy Hai Kiếm	100
74	Lê thị Duyên	100
75	Nguyễn văn Chi	20
76	Phạm văn Ngồn Cổ Vắn	200
77	Chú Sáu Rạch Gòi	200
78	Lê Sĩ Hi PTGL Xã	200
79	Nguyễn văn Miên	50
80	Nguyễn đức Tề	200
81	Nguyễn văn Chen	50
82	Nguyễn công Khanh	100
83	Cao hữu Đồi	50
84	Võ văn Trọng	200
85	Thầy hai Mừng	100
86	Ba Long Ga Xăng	100
87	Phước Thành	100
88	Lê Lợi Cái Sắn	100

89	Chị Bảy Chanh	50
90	Huỳnh văn Mậu	100
91	Trại Cây Hồng Vân	100
92	Thầy Bói Trà Cúi	20
93	Trần văn Cận áo đỏ	20
94	Nguyễn thị Chiền	100
95	Kim Tiền Cái Sắn	200
96	Bùi thị Ấu Cái Sơn Lấp Vó	500
97	Tư Lý Cái Sắn	100
98	Lưu văn Bùi Kỳ Đà	200
99	Lê thị Hường	50
100	Năm Ngà Cái Sắn	50
101	Võ biện Thiệp P.H.T.X	100
102	Thái thị Châu Tây Thạnh	
	Bạch Gôi	1.000
103	Nguyễn văn Hiền	250
104	Anh Ba	400
105	Anh Tư Thái	1.000
106	Anh năm Kẹo	200
107	Bà Bảy	100
108	Bà Hai	200
109	Lê văn Trọng	500
110	Hồ thị Liềm	100
111	Lê văn Bốn	1600



